

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TẠI CÔNG TY TNHH KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN PHƯƠNG NAM

Ngành: **KẾ TOÁN**

Chuyên ngành: **KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Giảng viên hướng dẫn: **Th.S Trịnh Ngọc Anh**
Sinh viên thực hiện: **Nguyễn Thị Diễm**
MSSV: **1154030152** Lớp: **11DKKT3**

TP. Hồ Chí Minh, 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là đề tài nghiên cứu của tôi. Những kết quả và các số liệu trong báo cáo thực tập tốt nghiệp được thực hiện tại Công ty TNHH Kế toán - Kiểm toán Phương Nam, không sao chép bất kỳ nguồn nào khác. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước nhà trường về sự cam đoan này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2015

Tác giả

Nguyễn Thị Diễm

LỜI CẢM ƠN

Đầu tiên em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý thầy cô khoa Kế toán – Tài Chính – Ngân Hàng trường ĐH Công Nghệ Tp.HCM đã tận tình giảng dạy và truyền đạt kiến thức cho em trong suốt những năm học qua. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Th.S Trịnh Ngọc Anh đã nhiệt tình hướng dẫn và giúp đỡ em trong suốt quá trình hoàn thành bài khóa luận này.

Đồng thời em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến quý công ty TNHH Kế toán - Kiểm toán Phương Nam đã tạo điều kiện cho em thực tập và đã hướng dẫn, chỉ bảo nhiệt tình để em hoàn thành tốt đề tài; mặt khác em còn học được nhiều điều bổ ích mà ở trường em chưa có cơ hội được tiếp cận.

Trong quá trình thực tập và làm báo cáo tốt nghiệp, tuy đã có nhiều cố gắng nhưng cũng không tránh khỏi những thiếu sót nên em rất mong nhận được sự thông cảm và góp ý của quý Thầy Cô ở Trường và các Anh Chị ở công ty để đề tài của em được hoàn thiện hơn.

Sau cùng em xin gửi đến Quý Thầy Cô Trường Đại học Công Nghệ Tp. HCM, Th.S Trịnh Ngọc Anh cùng toàn thể Ban giám đốc, các Anh Chị trong công ty TNHH Kế toán - Kiểm toán Phương Nam lời chúc sức khỏe và thành công.

Em xin chân thành cảm ơn!

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2015

Tác giả

Nguyễn Thị Diễm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHẬN XÉT THỰC TẬP

Tên đơn vị thực tập: Công ty TNHH Kế toán – Kiểm toán Phương Nam

Địa chỉ: 27 Nguyễn Kim, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại liên lạc: (08) 3957 4177

Email : phuongnam@saac.com.vn

NHẬN XÉT VỀ QUÁ TRÌNH THỰC TẬP CỦA SINH VIÊN:

Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Diễm

MSSV: 1154030152

Lớp: 11DKKT03

Thời gian thực tập tại đơn vị: Từ ngày 19/1/ 2015 đến 1/5/2015

Tại bộ phận thực tập: phòng kiểm toán.

Trong quá trình thực tập tại đơn vị sinh viên đã thể hiện:

1. Tinh thần trách nhiệm với công việc và ý thức chấp hành kỷ luật:

☒ Tốt ☐ Khá tốt ☐ Bình thường ☐ Không đạt

2. Số buổi thực tập tại đơn vị:

☒ >3 buổi/tuần ☐ 1-2 buổi/tuần ☐ ít đến công ty

3. Đề tài phản ánh được thực trạng hoạt động của đơn vị:

☒ Tốt ☐ Khá tốt ☐ trung bình ☐ Không đạt

4. Nắm bắt được những quy trình nghiệp vụ chuyên ngành kiểm toán:

BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

GVHD: ThS. Nguyễn Thành Kim Dung

☒ Tốt

☐ Khá tốt

☐ trung bình

☐ Không đạt

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2015

Đơn vị thực tập

(Ký tên và đóng dấu)

Trưởng phòng Kiểm toán
[Signature]

Lê Thị Đinh, Thi



[Signature]
Lê Đình Tư

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

NHẬN XÉT VỀ QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN KHÓA LUẬN CỦA SINH VIÊN

Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Diễm

MSSV: 1154030152

Lớp: 11DKKT03

Thời gian thực tập tại đơn vị: Từ ngày 19/1/ 2015 đến 1/5/2015

Tại đơn vị: Công ty TNHH Kế toán – Kiểm toán Phương Nam

Trong quá trình thực hiện khóa luận sinh viên đã thể hiện:

1. Thực hiện viết báo cáo thực tập theo quy định

☐ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình ☐ Không đạt

2. Thường xuyên liên hệ và trao đổi chuyên môn với Giảng viên hướng dẫn:

☐ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình ☐ Không đạt

3. Đề tài đạt chất lượng theo yêu cầu:

☐ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình ☐ Không đạt

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2015

Giảng viên hướng dẫn
(ký tên, ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM TOÁN DOANH THU	3
1.1 Cơ sở lý luận về kiểm toán doanh thu.....	3
1.1.1 Khái niệm chung về kiểm toán	3
1.1.2 Nội dung khoản mục doanh thu	3
1.1.2.1 Khái niệm doanh thu và thu nhập khác	3
1.1.2.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu	5
1.1.2.3 Các gian lận và sai sót liên quan đến khoản mục Doanh thu.....	6
1.1.3 Mục tiêu kiểm toán khoản mục doanh thu.....	7
1.1.4 Quy trình thực hiện kiểm toán doanh thu	7
1.1.4.1 Tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ, thiết kế và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát	8
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VIỆC KIỂM TOÁN DOANH THU TẠI CÔNG TY KIỂM TOÁN PHƯƠNG NAM	16
2.1 Giới thiệu khái quát về công ty	16
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển.....	16
2.1.2 Lĩnh vực hoạt động của công ty	17
2.1.2.1 Dịch vụ kiểm toán	17
2.1.2.2 Dịch vụ kế toán	17
2.1.2.3 Dịch vụ tư vấn thuế.....	17
2.1.3 Phương châm hoạt động và chiến lược phát triển.....	17
2.1.3.1 Phương châm hoạt động.....	17
2.1.3.2 Chiến lược phát triển.....	18
2.2 Bộ máy tổ chức của công ty.....	18
2.2.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy công ty.....	18
2.2.2 Tổ chức phòng kiểm toán.....	19
2.3. Quy trình kiểm toán BCTC và khoản mục doanh thu tại công ty kiểm toán Phương Nam	20
2.3.1 Lập kế hoạch kiểm toán	22

2.3.1.1	Chấp nhận khách hàng và đánh giá rủi ro hợp đồng.....	22
2.3.1.2	Lập hợp đồng và lựa chọn nhóm kiểm toán.....	25
2.3.1.3	Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động	25
2.3.1.4	Phân tích sơ bộ BCTC.....	26
2.3.1.5	Xác định mức trọng yếu	26
2.3.2	Thực hiện kiểm toán	27
2.3.2.1	Kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ	27
2.3.3	Tổng hợp, kết luận và lập báo cáo	31
2.4	Thực tế quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu tại công ty ABC do công ty TNHH kế toán – kiểm toán Phương Nam thực hiện.....	32
2.4.1	Lập kế hoạch kiểm toán	32
2.4.1.1	Chấp nhận khách hàng và đánh giá rủi ro hợp đồng.....	32
2.4.1.2	Lập hợp đồng kiểm toán và lựa chọn nhóm kiểm toán.....	34
2.4.1.3	Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động	35
2.4.1.4	Phân tích sơ bộ BCTC.....	37
2.4.1.5	Đánh giá chung về HTKSNB và trao đổi với BGĐ về gian lận	44
2.4.1.6	Xác định mức trọng yếu trong kế hoạch	49
2.4.1.7	Tổng hợp kế hoạch kiểm toán.....	51
2.4.2	Thực hiện kiểm toán.....	52
2.4.2.1	Kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ	52
2.4.2.2	Thực hiện thử nghiệm cơ bản	55
2.5	Tổng hợp kết quả kiểm toán khoản mục doanh thu.....	68
2.6	Tổng hợp và phát hành báo cáo	70
CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ VỀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN DOANH THU		71
3.1	Nhận xét về quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu tại công ty Kiểm toán Phương Nam.....	71
3.1.1	Ưu điểm.....	71
3.1.2	Nhược điểm.....	72
3.2	Một số giải pháp về quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu tại công ty Phương	

Nam.....	73
KẾT LUẬN	76
PHỤ LỤC	77
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	90

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCĐKT	bảng cân đối kế toán
BCKQHĐKD	báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
BCKT	báo cáo kiểm toán
BCTC	báo cáo tài chính
BGD	ban giám đốc
CDSPS	cân đối số phát sinh
KH	khách hàng
KSNB	kiểm soát nội bộ
KTV	kiểm toán viên

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Phân tích bảng CĐKT.....	38
Bảng 2.2: Phân tích bảng Báo cáo KQHĐKD.....	42
Bảng 2.3: Phân tích hệ số thanh toán nhanh.....	43
Bảng 2.4: Phân tích hệ số nợ.....	44
Bảng 2.5: So sánh mức trọng yếu giữa năm 2014 và năm 2013.....	50
Bảng 2.6: Đánh giá hoạt động hữu hiệu của các thủ tục KSNB.....	53
Bảng 2.7: Phân tích doanh thu theo từng tháng.....	55
Bảng 2.8: So sánh doanh thu theo kỳ kế toán.....	56
Bảng 2.9: Phân tích cơ bản.....	57
Bảng 2.10: Đối chiếu doanh thu theo tờ khai thuế GTGT.....	58
Bảng 2.11: Danh sách đối chiếu chứng từ.....	59
Bảng 2.12: Danh sách nghiệp vụ được kiểm tra, đối chiếu.....	63
Bảng 2.13: Danh sách nghiệp vụ trước ngày khóa sổ (31/12/2014) 10 ngày....	66
Bảng 2.14: Danh sách nghiệp vụ sau ngày khóa sổ (31/12/2014) 10 ngày.....	67
Bảng 2.15: Danh sách nghiệp vụ các khoản giảm trừ doanh thu.....	68
Bảng 2.16: Bảng tổng hợp kết quả kiểm toán.....	69

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Quy trình giai đoạn thực hiện kiểm toán.....	8
Sơ đồ 2.1: Bộ máy công ty Phương Nam.....	18
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kiểm toán.....	19
Sơ đồ 2.3: Quy trình kiểm toán BCTC.....	21
Sơ đồ 2.4: Các thủ tục chấp nhận khách hàng tiềm năng.....	24

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ, đang chuyển sang kinh tế thị trường và dần dần hòa nhập vào nền kinh tế khu vực và trên thế giới theo xu hướng toàn cầu hóa. Đồng thời sự kiện Việt Nam chính thức trở thành thành viên của tổ chức kinh tế thế giới WTO đã mang lại rất nhiều cơ hội cũng như thách thức cho kinh tế Việt Nam. Đứng trước những thuận lợi nêu trên, một trong những điều kiện để thúc đẩy kinh tế nước nhà ngày càng phát triển và đồng thời thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư thì nhu cầu minh bạch hóa tài chính ngày càng trở nên cấp thiết kéo theo sự phát triển tất yếu của ngành kiểm toán, đặc biệt là kiểm toán báo cáo tài chính.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, chu trình bán hàng thu tiền được coi là chu trình cuối cùng không những đánh giá hiệu quả của những chu trình trước đó mà còn đánh giá cả hiệu quả của toàn bộ chu kỳ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp thực hiện hiệu quả chu trình này tức là vốn đã được huy động đúng mức tạo tiền đề cho sản xuất và cho các chu kỳ tiếp theo được thực hiện hợp lý.

2. Mục đích nghiên cứu

Việc ghi chép minh bạch khoản mục doanh thu và nợ phải thu đặc biệt là phải thu khách hàng ở chu trình bán hàng – thu tiền có ý nghĩa rất lớn vì nó ảnh hưởng không nhỏ đến tài sản, khả năng thanh toán và tình hình tài chính của doanh nghiệp. Bởi vậy, đối với bất kỳ một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính nào thì kiểm toán phần hành doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ và nợ phải thu khách hàng cũng luôn được coi là một phần hành trọng yếu và rất được lưu ý.

Nhận thấy được tính cấp thiết và vai trò của khoản mục này nên em đi sâu vào nghiên cứu đề tài: ***“Quy trình kiểm toán doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Kế toán - Kiểm toán Phương Nam”***.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập dữ liệu:

-Phỏng vấn

-Nhiên cứu tài liệu

Phương pháp phân tích dữ liệu

-Phương pháp so sánh

-Phương pháp toán học

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu

Cơ sở lý luận về doanh thu

Thực trạng công tác kiểm toán tại công ty

Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện

Đối tượng nghiên cứu

Công tác kiểm toán khoản mục doanh thu tại công ty Phương Nam

Phạm vi nghiên cứu

Công ty TNHH Kế toán-Kiểm toán Phương Nam

5. Kết cấu báo cáo

Nội dung của Báo cáo thực tập tốt nghiệp bao gồm 3 phần như sau:

Phần 1: Cơ sở lý luận về kiểm toán doanh thu

Phần 2: Thực trạng việc kiểm toán doanh thu tại công ty kiểm toán Phương Nam

Phần 3: Nhận xét và kiến nghị về quy trình kiểm toán doanh thu

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM TOÁN DOANH THU

1.1 Cơ sở lý luận về kiểm toán doanh thu

1.1.1 Khái niệm chung về kiểm toán

Hiện nay có rất nhiều định nghĩa khác nhau về kiểm toán và theo các chuyên gia giáo dục và đào tạo kiểm toán ở Cộng hoà Pháp thì kiểm toán được định nghĩa là:

“Kiểm toán là việc nghiên cứu và kiểm tra các tài khoản hàng năm của một tổ chức do một người độc lập, đủ danh nghĩa gọi là kiểm toán viên tiến hành để khẳng định rằng những tài khoản đó phản ánh đúng đắn tình hình tài chính thực tế, không che giấu sự gian lận và chúng được trình bày theo mẫu chính thức của luật định.”

1.1.2 Nội dung khoản mục doanh thu

1.1.2.1 Khái niệm doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu và thu nhập khác bao gồm các tài khoản sau: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu chưa thực hiện, thu nhập khác và các khoản giảm trừ doanh thu theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và áp dụng từ ngày 01/01/2015.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho công ty mẹ, công ty con trong cùng tập đoàn; và phản ánh doanh thu của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ như: bán hàng (Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư); cung cấp dịch vụ (Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....).

Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm: tiền lãi (Lãi cho vay,

lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ;...); Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư; Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác; Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; Lãi tỷ giá hối đoái, gồm cả lãi do bán ngoại tệ; Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Doanh thu chưa thực hiện

Phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm doanh thu chưa thực hiện của doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống... Không hạch toán vào tài khoản này các khoản: Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ; và doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát; Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản; Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn; Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có); Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp; Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại; Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

1.1.2.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu

- Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn năm điều kiện sau theo chuẩn mực kế toán Việt Nam(VAS 14):
 - ✓ “Doanh nghiệp chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
 - ✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
 - ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại

- và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);*
- ✓ *Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được hoặc sẽ thu được từ lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.*
 - ✓ *Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.”*
 - Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau theo VAS 14:
 - ✓ *“Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;*
 - ✓ *Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;*
 - ✓ *Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;*
 - ✓ *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.”*

Trường hợp hợp đồng kinh tế bao gồm nhiều giao dịch, doanh nghiệp phải nhận biết các giao dịch để ghi nhận doanh thu phù hợp với Chuẩn mực kế toán, ví dụ:

- Trường hợp hợp đồng kinh tế quy định việc bán hàng và cung cấp dịch vụ sau bán hàng (ngoài điều khoản bảo hành thông thường), doanh nghiệp phải ghi nhận riêng doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ;

- Trường hợp hợp đồng quy định bên bán hàng chịu trách nhiệm lắp đặt sản phẩm, hàng hóa cho người mua thì doanh thu chỉ được ghi nhận sau khi việc lắp đặt được thực hiện xong.

1.1.2.3 Các gian lận và sai sót liên quan đến khoản mục Doanh thu

Tính trọng yếu, những lý do thường dẫn đến gian lận:

Doanh thu là một khoản mục trọng yếu trên BCTC vì đó là cơ sở để người sử dụng phản ánh giá tình hình hoạt động và quy mô kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, khoản mục này là đối tượng của nhiều sai phạm dẫn đến BCTC bị sai lệch trọng yếu vì những lý do sau:

- Trong nhiều trường hợp, việc xác định thời điểm thích hợp và số tiền để ghi nhận doanh

thu đòi hỏi sự xét đoán, thí dụ đối với doanh thu của hợp đồng xây dựng hoặc cung cấp dịch vụ có liên quan đến nhiều niên độ.

- Doanh thu có quan hệ mật thiết với kết quả lãi lỗ, nên những sai lệch về doanh thu thường dẫn đến lãi lỗ bị trình bày không trung thực và không hợp lý.
- Tại nhiều đơn vị, doanh thu còn là cơ sở để đánh giá kết quả hoặc thành tích, nên chúng có khả năng bị thổi phồng cao hơn thực tế.
- Tại Việt Nam, do doanh thu có quan hệ chặt chẽ với thuế giá trị gia tăng đầu ra nên cũng có khả năng bị khai thấp hơn thực tế để trốn thuế hay tránh thuế.

Các sai sót gian lận thường gặp:

- Khai khống doanh thu bằng cách khai tăng nợ phải thu trong kỳ, dẫn đến lợi nhuận tăng, làm cho tình hình tài chính của doanh nghiệp tốt hơn.
- Ghi nhận doanh thu không đúng niên độ kế toán làm doanh thu trong kỳ tăng lên bằng cách đưa doanh thu của niên độ kế toán sau vào niên độ hiện tại, và ngược lại khai thiếu doanh thu, để trốn thuế.
- Khai thiếu doanh thu trong kỳ để giảm thuế.
- Không lập hóa đơn khi bán hàng.
- Đi ghi chép những vụ bán hàng không có thực.
- Lỗi trong ghi chép hoặc ghi vào sổ.

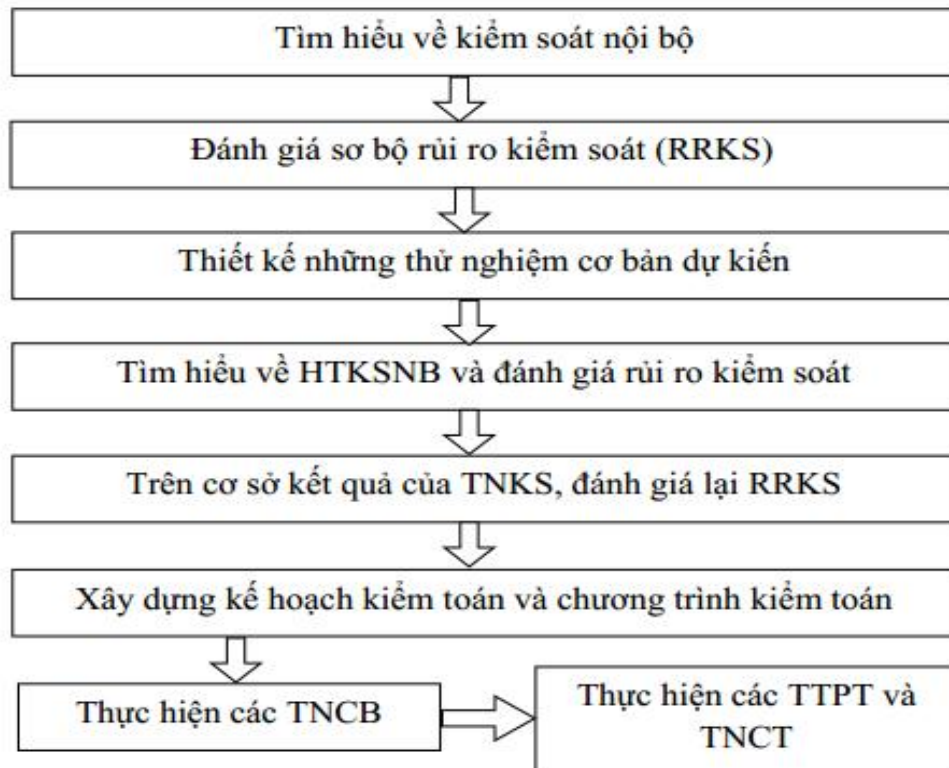
1.1.3 Mục tiêu kiểm toán khoản mục doanh thu

Khi kiểm toán khoản mục doanh thu, chúng ta phải đảm bảo đủ 5 mục tiêu sau:

- *Phát sinh*: Các khoản doanh thu được ghi nhận phải thực sự phát sinh và thuộc về đơn vị.
- Đầy đủ*: Mọi khoản doanh thu đều được ghi nhận.
- Ghi chép chính xác*: Doanh thu được tính toán chính xác và thống nhất giữa sổ chi tiết và sổ cái.
- Đánh giá*: Doanh thu phải phản ánh đúng số tiền.
- Trình bày và công bố*: Doanh thu được trình bày đúng đắn và khai báo đầy đủ.

1.1.4 Quy trình thực hiện kiểm toán doanh thu

Sơ đồ 1.1: Quy trình giai đoạn thực hiện kiểm toán



1.1.4.1 Tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ, thiết kế và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát

Hệ thống kiểm soát nội bộ là một quá trình do ban giám đốc, nhà quản lý và các nhân viên của đơn vị thực hiện và chi phối, tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ được thiết lập để cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm thực hiện ba mục tiêu sau đây:

- Hoạt động hữu hiệu và có hiệu quả.
- Báo cáo tài chính đáng tin cậy.
- Các luật lệ và quy trình được tuân thủ.

Đối với chu trình doanh thu, kiểm soát nội bộ sẽ bao gồm các thủ tục liên quan đến việc tổ chức về bán hàng và theo dõi công nợ của khách hàng để ngăn ngừa các sai phạm có thể xảy ra trong chu trình này. Hệ thống kiểm soát nội bộ đối với các nghiệp vụ trong chu trình doanh thu do nhà quản lý thiết lập thường đáp ứng các mục tiêu sau:

- Doanh thu ghi sổ của hàng hóa gửi đi bán cho khách hàng là có thật.
- Các nghiệp vụ bán hàng được phê chuẩn đúng đắn.

-Các nghiệp vụ bán hàng phải ghi sổ đầy đủ.

-Các nghiệp vụ bán hàng được ghi vào sổ chi tiết và sổ tổng hợp có số liệu phải khớp với nhau.

-Doanh thu ghi sổ hàng gửi bán ược tính ứng số tiền và ghi sổ chính xác.

-Doanh thu được ghi sổ đúng thời hạn.

Tìm hiểu về kiểm soát nội bộ

Phương pháp tìm hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ thường được sử dụng là bảng câu hỏi với dạng mô tả, câu trả lời có sẽ cho thấy hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu, câu trả lời không chứng tỏ hệ thống kiểm soát nội bộ yếu kém. Thông qua bảng câu hỏi có thể xác định được:

-Trình độ nhân viên phụ trách: phỏng vấn nghiệp vụ, xem hồ sơ nhân viên.

-Tính chính trực và giá trị đạo đức: thông qua nội quy của đơn vị và các nhân viên thực hiện nội quy đó.

-Cơ cấu tổ chức: kiểm toán viên nghiên cứu hồ sơ tổ chức, cách thức phân định, quyền hạn, trách nhiệm.

-Triết lý quản lý và phong cách điều hành: kiểm toán viên tìm hiểu quan điểm của nhà quản lý; thích rủi ro, ham lợi nhuận thì Báo cáo tài chính sẽ có nguy cơ bị thổi phồng.

Đánh giá rủi ro:

Đối với chu trình doanh thu, một hệ thống kiểm soát nội bộ tốt cần có khả năng nhận diện, đánh giá và xử lý rủi ro. Mục tiêu của doanh nghiệp là lợi nhuận hay chiếm thị phần, từ đó xác định rủi ro có liên quan. Phân tích rủi ro trong hoạt động hiện tại của đơn vị, rủi ro gắn với công việc hàng ngày, nó phụ thuộc vào loại hình kinh doanh của doanh nghiệp. Phát hiện ra những rủi ro mới xuất hiện: do thay đổi quy chế môi trường hoạt, thay đổi nhân sự, sửa đổi hệ thống thông tin.

Tìm hiểu về thông tin và truyền thông:

Một chu trình bán hàng phải đảm bảo:

-Tất cả các đơn đặt hàng đều được xử lý.

- Tất cả các lô hàng đều được xử lý.
- Tất cả các lô hàng đều được phát hóa đơn.
- Tất cả các hóa đơn đều được hạch toán.

Trong chu trình doanh thu, yếu tố thông tin và truyền thông được phân ra thành các công đoạn:

- Sổ ghi lại các đơn đặt hàng nhận được.
- Phiếu đặt hàng theo đúng chuẩn và được đánh số thứ tự.
- Phiếu chuẩn bị xuất hàng hay phiếu xuất hàng.
- Hóa đơn bán hàng.
- Sổ sách kế toán.

Ý nghĩa của việc kiểm soát chứng từ là đảm bảo nhiệm vụ được ghi chép chính xác, thích hợp và có tính pháp lý.

Hoạt động kiểm soát trong chu trình doanh thu:

- Đơn đặt hàng của khách hàng.
- Lệnh bán hàng.
- Kiểm tra đơn đặt hàng và phê chuẩn phương thức bán chịu.
- Yếu kém trong khâu này dễ dẫn đến nợ khó đòi.
- +Tín dụng phải được phê chuẩn đúng đắn trước khi quá trình tiêu thụ xảy ra.
- +Hàng hóa chỉ được gửi sau khi được phê chuẩn đúng đắn về giá, kể cả phương thức thanh toán phí vận chuyển và chiết khấu phải được phê chuẩn.
- Xuất kho: khi lệnh bán hàng đã được phê chuẩn chuyển cho thủ kho, thủ kho xuất hàng chuyển cho khách hàng.
- Lập hóa đơn và gửi cho khách hàng: do bộ phận kế toán lập.
- +Đánh số thứ tự gửi hàng.
- +So sánh lệnh bán hàng với chứng từ gửi hàng, đơn đặt hàng và các thông tin điều chỉnh nếu có.
- +Ghi giá.
- +Tính tiền và thuế.

-Theo dõi thanh toán.

+Phân nhiệm giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, ghi sổ nhật ký bán hàng và chi tiết phải thu.

+Nếu là nghiệp vụ bán chịu thì phải liệt kê các khoản nợ theo nhóm tuổi để lập dự phòng.

+Nếu là nghiệp vụ thu tiền ngay thì phải ghi vào sổ nhật ký thu tiền hay tiền gửi và phải có giấy báo có của ngân hàng.

Giám sát.

Kiểm toán viên trao đổi với nhân viên đơn vị đặt biệt là với bộ phận kiểm toán nội bộ (nếu có).

1.1.4.2 Đánh giá rủi ro kiểm soát thiết kế các thử nghiệm cơ bản

Rủi ro tiềm tàng (RRTT) là rủi ro tiềm ẩn, vốn có do khả năng từng nghiệp vụ, từng khoản mục trong báo cáo tài chính chứa ựng sai sót trọng yếu mặc dù có hay không có hệ thống kiểm soát nội bộ.

RRTT trong đặc điểm kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp có tỷ lệ sinh lời cao hoặc thấp. Doanh thu bán hàng có tác động bởi nhân tố môi trường kinh tế xã hội, tỷ trọng hàng bán chủ yếu. Chính sách thuế xuất nhập khẩu, chính sách khuyến khích đầu tư của chính phủ. Tỷ giá hối đoái.

RRTT trong bản chất khoản mục:

Thời điểm ghi nhận doanh thu có phù hợp với nguyên tắc kiểm toán không (đôn tích, phù hợp thời điểm và số tiền bán hàng được ghi nhận có thể bị sai lệch do chuẩn mực không rõ ràng, do cách tính toán phức tạp hay phụ thuộc vào quyền trả lại của người mua). Số lượng nghiệp vụ bán hàng thu tiền ngay có diễn ra thường xuyên không. Giá trị thu tiền bình quân mỗi lần thu là bao nhiêu và có thể dễ dàng bị gian lận không.

Rủi ro kiểm soát (RRKS)

Rủi ro kiểm soát là những sai sót xảy ra trên báo cáo tài chính mà hệ thống kiểm soát nội bộ không kiểm tra được hoặc không phát hiện được. Ví dụ: như các nghiệp vụ

điều chỉnh doanh thu và nợ phải thu có thể che giấu hành vi biến thủ tiền mặt thu được từ khách hàng bằng cách khai không các khoản chiết khấu, ghi các khoản chiết khấu, ghi các khoản bán hàng bị trả lại, giả tạo hay xóa sổ nợ phải thu khó đòi không đòi được. Tính toán sai sót. Cố tình nhập liệu sai. Không tách rời chức năng khai thác và chức năng kiểm soát.

Rủi ro phát hiện (RRPH)

RRPH là khả năng xuất hiện các sai sót trong báo cáo tài chính mà các kiểm toán viên không phát hiện ra được bằng quan hệ minh họa giữa các loại rủi ro (chuẩn mực kiểm toán VAS 400).

Công thức liên hệ các rủi ro trong kiểm toán: $AR = DR * CR * IR$

$$DR = \frac{AR}{CR * IR}$$

AR (udit risk): rủi ro kiểm toán.

IR (inherent risk): rủi ro tiềm tàng.

CR (control risk): rủi ro kiểm soát.

DR (detection): rủi ro phát hiện

1.1.4.3 Thực hiện các thử nghiệm kiểm soát

Dựa trên quá trình tìm hiểu về hệ thống KSNB, kiểm toán viên tiến hành thực hiện các thử nghiệm kiểm soát. Nếu kiểm toán viên đánh giá RRKS cao thì kiểm toán viên không cần thực hiện thử nghiệm kiểm soát mà mở rộng phạm vi thử nghiệm cơ bản. Ngược lại, nếu RRKS thấp thì kiểm toán viên sẽ thiết kế các thử nghiệm kiểm soát phù hợp nhằm giúp giảm các thử nghiệm cơ bản trong quá trình thực hiện kiểm toán.

Kiểm tra mẫu các nghiệp vụ bán hàng:

Chọn một số hóa đơn bán hàng đối chiếu với đơn đặt hàng, lệnh bán hàng và vận đơn. Đối chiếu về chủng loại, quy cách, số lượng, đơn giá, ngày gửi hàng, chữ ký phê chuẩn bán chịu, tính tổng từng loại hàng, từng hó đơn.

Kiểm toán viên chú ý về khoản hàng cần ký gửi vì chúng có thể được ghi nhận doanh thu bán hàng mà doanh thu này chỉ được ghi nhận khi thu tiền bán hàng ký gửi.

Tìm hiểu chính sách chiết khấu, cần phân tích doanh thu và số tiền thu được, số chiết khấu, tỷ lệ phần trăm giữ số chiết khấu và số tiền thu, sau đó phản ánh chênh lệch trọng yếu và giải thích nguyên nhân.

Chọn mẫu đối chiếu giữa chứng từ chuyển hàng với những hóa đơn có liên quan:

Kiểm toán viên cần chú ý đến số thứ tự liên tục của chứng từ có liên quan là đơn đặt hàng, chứng từ chuyển hàng đi và hóa đơn bán hàng.

Xem xét sự cho phép và ghi chép hàng bán bị trả lại hoặc hư hỏng

Tất cả hàng hóa bị trả lại, hay bị hư hỏng điều phải được chứng minh bởi các tài liệu được đánh số thứ tự, được duyệt và kiến của người có thẩm quyền và họ phải độc lập với việc chi quỹ hay giữ sổ kế toán. Mặt khác cũng phải kiểm tra công việc tính tổng, việc tính giá, ghi nhật ký, chuyển vào sổ cái, sổ chi tiết hàng bán bị trả lại và tài khoản phải thu của khách hàng có liên quan.

1.1.4.4 Thực hiện các thử nghiệm cơ bản

Thử nghiệm cơ bản bao gồm các thủ tục để thu thập bằng chứng nhằm phát hiện những sai lệch trọng yếu trong BCTC. Có 2 loại thử nghiệm cơ bản là thủ tục phân tích và thử nghiệm chi tiết.

- ***Thủ tục phân tích***

Để kiểm tra tính hợp lý chung của doanh thu kiểm toán viên có thể sử dụng một số thủ tục phân tích sau đây để phát hiện các biến động bất thường:

-Lập bảng phân tích doanh thu từng tháng, từng đơn vị trực thuộc và xem xét các trường hợp có doanh thu tăng giảm bất thường.

-So sánh doanh thu kỳ này với kỳ trước theo từng tháng. Các biến động bất thường cần giải thích nguyên nhân.

-Tính tỷ lệ lãi gộp của từng mặt hàng chủ yếu và so sánh với năm trước, phát hiện và giải thích các thay đổi quan trọng.

Cần chú ý là không có một nguyên tắc cứng nhắc và những nguyên tắc nhanh nào cho việc áp dụng kỹ năng phân tích. Tuy nhiên, những thủ tục phân tích được áp dụng có hiệu quả hơn trong bảng kết quả kinh doanh với những loại hình nghiệp vụ liên quan

hơn là đối với tài khoản trong bảng cân đối kế toán. Điều này là do tài khoản trong bảng kết quả dễ dự đoán hơn, còn tài khoản trong bảng tổng kết tài sản thường được kết hợp nhiều loại hình nghiệp vụ vì vậy phức tạp hơn.

- *Thử nghiệm chi tiết*

Kiểm toán viên sẽ đi sâu vào việc kiểm tra các số dư hoặc nghiệp vụ bằng các thử nghiệm thích hợp. Các thử nghiệm sẽ được thực hiện nhằm đảm bảo 5 mục tiêu kiểm toán đặt ra cho tài khoản doanh thu.

Thử nghiệm 1: Sự có thực của các nghiệp vụ bán hàng được ghi chép.

Mục tiêu: Thử nghiệm này nhằm phát hiện các nghiệp vụ bán hàng không xảy ra nhưng lại được ghi trong nhật ký bán hàng.

Đối chiếu các nghiệp vụ bán hàng được ghi chép trong nhật ký bán hàng với chứng từ gốc có liên quan như: đơn đặt hàng, hợp đồng kinh tế, lệnh bán hàng hoặc phiếu xuất kho, vận đơn, hóa đơn.

Lấy mẫu các nghiệp vụ bán hàng và xem xét quá trình thu tiền. Nếu chúng được thanh toán, hoặc bị trả lại thì đó là bằng chứng cho thấy nghiệp vụ bán hàng thực sự xảy ra.

Thử nghiệm 2: Sự ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ bán hàng.

Mục tiêu: Nhằm phát hiện ra các nghiệp vụ bán hàng đã xảy ra nhưng không được ghi trên sổ kế toán. Do đó, kiểm toán viên phải đi từ các chứng từ gốc để kiểm tra việc ghi chép các nghiệp vụ vào sổ kế toán. Còn lựa chọn lại chứng từ gốc nào thì cần dựa trên đặc điểm kiểm soát nội bộ của đơn vị trong nghiệp vụ bán hàng. Thông thường nên chọn loại chứng từ được lập ra cho các nghiệp vụ bán hàng, ví dụ các vận đơn. Trong trường hợp đơn vị không sử dụng vận đơn, kiểm toán viên có thể tìm kiếm các tài liệu khác như thẻ kho.

Thử nghiệm 3: Sự ghi chép, tính toán chính xác và thống nhất giữa sổ chi tiết và sổ cái doanh thu.

Mục tiêu: Nhằm đảm bảo các nghiệp vụ bán hàng được tính giá đúng. Thông thường kiểm toán viên thường kiểm tra những nội dung sau:

So sánh với vận đơn, đơn đặt hàng, lệnh bán hàng... để xác định về chủng loại và số lượng sản phẩm tiêu thụ.

Đối chiếu với bảng giá, các bảng xét duyệt giá, hợp đồng... để xác định về giá của sản phẩm hàng hóa tiêu thụ.

Kiểm tra việc tính toán trên hóa đơn.

Kiểm tra việc ghi nhận vào sổ chính xác với trên hóa đơn.

Thử nghiệm 4: Phân loại doanh thu.

Phân biệt giữa doanh thu bán chịu và thu tiền ngay.

Phân biệt giữa doanh thu bán hàng và các khoản thu nhập khác như: cho thuê tài sản, bán tài sản, các khoản lãi phát sinh do bán trả góp.

Phân biệt các loại doanh thu chịu thuế khác nhau vì những loại doanh thu khác nhau có thể chịu mức thuế suất khác nhau.

Thử nghiệm 5: Việc khóa sổ với các nghiệp vụ bán hàng.

Kiểm toán viên lựa chọn một số nghiệp vụ bán hàng xảy ra trước và sau khi khóa sổ để kiểm tra chứng từ gốc, so sánh, đối chiếu các nghiệp vụ trên hóa đơn GTGT, nhật ký và sổ chi tiết.

Tóm tắt chương 1

Qua nội dung chương 1, chúng ta có thể thấy nhằm cung cấp các thông tin cần thiết cho những người sử dụng để họ đưa ra các quyết định kinh doanh, Báo cáo KQHĐKD giữ vai trò rất quan trọng trong hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Trong khi Bảng cân đối kế toán cho biết về tình hình tài chính của doanh nghiệp, Báo cáo KQHĐKD lại cho biết về kết quả của niên độ, từ đó giúp người sử dụng đánh giá khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp. Doanh thu là một trong những khoản mục quan trọng trên Báo cáo KQHĐKD, do đó kiểm toán báo cáo này, về thực chất là xem doanh thu trong kỳ có được trình bày trung thực, hợp lý và phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hay không.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VIỆC KIỂM TOÁN DOANH THU TẠI CÔNG TY KIỂM TOÁN PHƯƠNG NAM

2.1 Giới thiệu khái quát về công ty

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển



Phương Nam là nhà cung cấp các dịch vụ kiểm toán, kế toán và tư vấn kinh doanh chuyên nghiệp được thành lập vào ngày 10 tháng 01 năm 2009. Công ty chính thức đi vào hoạt động ngày 3 tháng 2 năm 2009 và đến nay đã hoạt động liên tục được 6 năm. Công ty hiện đặt trụ sở tại 27 Nguyễn Kim, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện pháp luật cho công ty là Tổng Giám đốc Nguyễn Phùng Mai Lan.

Phương Nam được sáng lập bởi các kiểm toán viên và chuyên viên tư vấn chuyên nghiệp đã và đang hoạt động trong ngành kiểm toán và tư vấn ở các tổ chức đa quốc gia và các đơn vị lớn trong nước. Những lợi thế này cho phép Phương Nam tập hợp được nguồn nhân lực phù hợp có thể cung cấp các dịch vụ có chất lượng vừa phù hợp với đặc điểm của Việt Nam, vừa theo các tiêu chuẩn và thông lệ trên thế giới.

Với phương châm hoạt động: “Là người bạn đồng hành tin cậy của các doanh nghiệp” Phương Nam nỗ lực cống hiến những giải pháp có giá trị mang tính sáng tạo cho sự thành công của các doanh nghiệp.

Với đội ngũ kiểm toán viên và nhân viên kiểm toán hùng hậu và có kinh nghiệm cũng như thường xuyên được đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên ngành thông qua các chương trình huấn luyện nội bộ, chương trình cập nhật kiến thức kiểm toán viên hằng năm của Bộ Tài Chính và các chương trình tài trợ quốc tế.

Tuy công ty mới thành lập trong thời gian chưa lâu nhưng được sự tín nhiệm và tin tưởng của các doanh nghiệp khách hàng. Công ty đã có một lượng khách hàng đông đảo khắp cả nước và nước ngoài đầu tư tại Việt Nam.

2.1.2 Lĩnh vực hoạt động của công ty**2.1.2.1 Dịch vụ kiểm toán**

Phương Nam sẵn sàng cung cấp cho Quý khách hàng các dịch vụ:

- Kiểm toán báo cáo tài chính
- Kiểm toán báo cáo quyết toán công trình xây dựng
- Kiểm toán chi phí hoạt động
- Kiểm toán nội bộ
- Soát xét báo cáo tài chính
- Soát xét thông tin tài chính dựa theo các thủ tục thỏa thuận trước
- Soát xét việc tuân thủ pháp luật

2.1.2.2 Dịch vụ kế toán

Phương Nam cung cấp dịch vụ kế toán theo nhiều hình thức dạng, bao gồm:

- Tư vấn xây dựng bộ máy kế toán
- Tổ chức công tác hạch toán kế toán tài chính
- Tư vấn xây dựng hệ thống kế toán quản trị.
- Hướng dẫn và thực hiện ghi chép sổ sách kế toán, hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính.

2.1.2.3 Dịch vụ tư vấn thuế

- Đánh giá tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế.
- Quản lý rủi ro về thuế.
- Dịch vụ tư vấn thuế trọn gói.
- Hỗ trợ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và thu nhập cá nhân.
- Soát xét về thuế.
- Xin ưu đãi thuế.
- Soát xét tờ khai thuế do doanh nghiệp/ cá nhân tự lập.
- Lập tờ khai thuế cho cá nhân, cho cả người kê khai bên ngoài.
- Đại diện cho khách hàng làm việc với các cơ quan thuế.

2.1.2.4 Dịch vụ tư vấn Quản lý và Tài chính

- Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp
- Tư vấn lập hồ sơ dự án
- Tư vấn sắp xếp vốn cho doanh nghiệp
- Tư vấn sáp nhập và mua bán doanh nghiệp

2.1.3 Phương châm hoạt động và chiến lược phát triển**2.1.3.1 Phương châm hoạt động**

Với phương châm hoạt động: “Là người bạn đồng hành tin cậy của các doanh nghiệp”
Phương Nam cùng với đội ngũ nhân viên dày dặn kinh nghiệm và phong cách làm việc

chuyên nghiệp luôn phân đầu cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tối ưu vừa đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế và vừa phù hợp với đặc điểm kinh doanh tại Việt Nam.

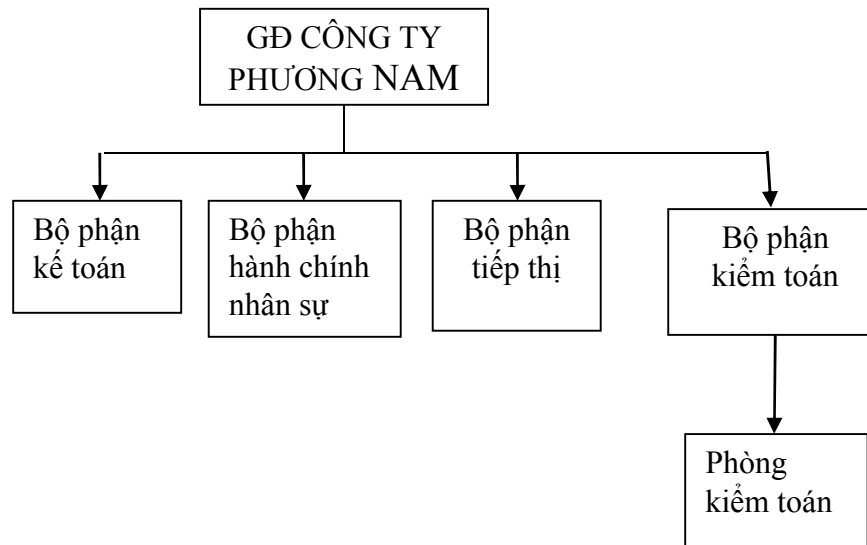
2.1.3.2 Chiến lược phát triển

- Cam kết cung cấp cho khách hàng các dịch vụ với chất lượng cao theo phong cách chuyên nghiệp.
- Tôn trọng các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp.
- Đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn và năng lực giỏi để phục vụ khách hàng trong tiến trình phát triển và hội nhập toàn cầu.
- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện.
- Tạo sự khác biệt trong các dịch vụ bằng việc mang lại giá trị tăng và xây dựng quan hệ ấn tượng với khách hàng.
- Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong mọi hoạt động kinh doanh.
- Phân đầu đem lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, nhân viên, Nhà đầu tư và xã hội.

2.2 Bộ máy tổ chức của công ty

2.2.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy công ty

Sơ đồ 2.1: Bộ máy công ty Phương Nam



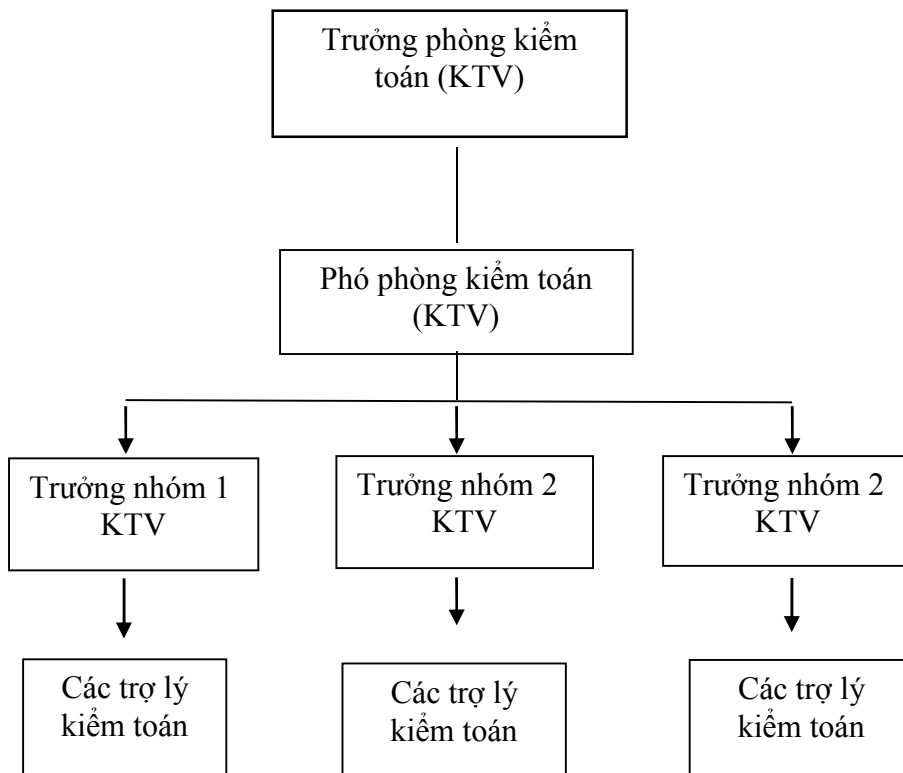
Nguồn: công ty Phương Nam

Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận

- ✓ Giám đốc: là người điều hành hoạt động hằng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- ✓ Bộ phận kế toán: chịu trách nhiệm cập nhật chứng từ, tiến hành kiểm tra đối chiếu, ghi chép và hạch toán kế toán, thực hiện lập các báo cáo kế toán.
- ✓ Bộ phận tư vấn: chịu trách nhiệm cung cấp các dịch vụ tư vấn thuế, sử dụng các nguồn tài chính, tư vấn cho khách hàng.
- ✓ Bộ phận hành chính nhân sự: đưa ra quy trình tuyển dụng chuyên nghiệp và hiệu quả; quản lý lương và vị trí công việc trong công ty. Xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nhân viên. Có kế hoạch tìm kiếm và tuyển dụng nhân viên mới.
- ✓ Bộ phận kiểm toán: trực tiếp thực hiện các cuộc kiểm toán, làm dịch vụ kế toán cho khách hàng.

2.2.2 Tổ chức phòng kiểm toán

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy phòng kiểm toán



❖ Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận

Trưởng phòng kiểm toán: là người tổng hợp và lập báo cáo (Tổng hợp kết quả, lập báo cáo, viết thư quản lý), view file hồ sơ, giấy tờ làm việc.

Phó phòng kiểm toán: Lập kế hoạch kiểm toán và phân chia số lượng người thực hiện. Xây dựng kế hoạch kiểm toán và thu tập thông tin bằng các phương pháp kiểm toán, tổng hợp thông tin trước khi đưa lên trưởng phòng và hỗ trợ các trưởng nhóm kiểm toán.

Trưởng nhóm: là người chỉ đạo, giám sát các thành viên trong nhóm và báo cáo lại với cấp trên. Thực hiện kiểm toán và hỗ trợ các trợ lý kiểm toán.

Trợ lý kiểm toán: sẽ thực hiện công tác kế toán, kiểm toán cụ thể được giao, kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán các hoạt động khác khi có nhu cầu, sẽ tham gia các đoàn kiểm toán theo kế hoạch và đoàn kiểm toán đột xuất và thực hiện các công việc khác theo yêu cầu.

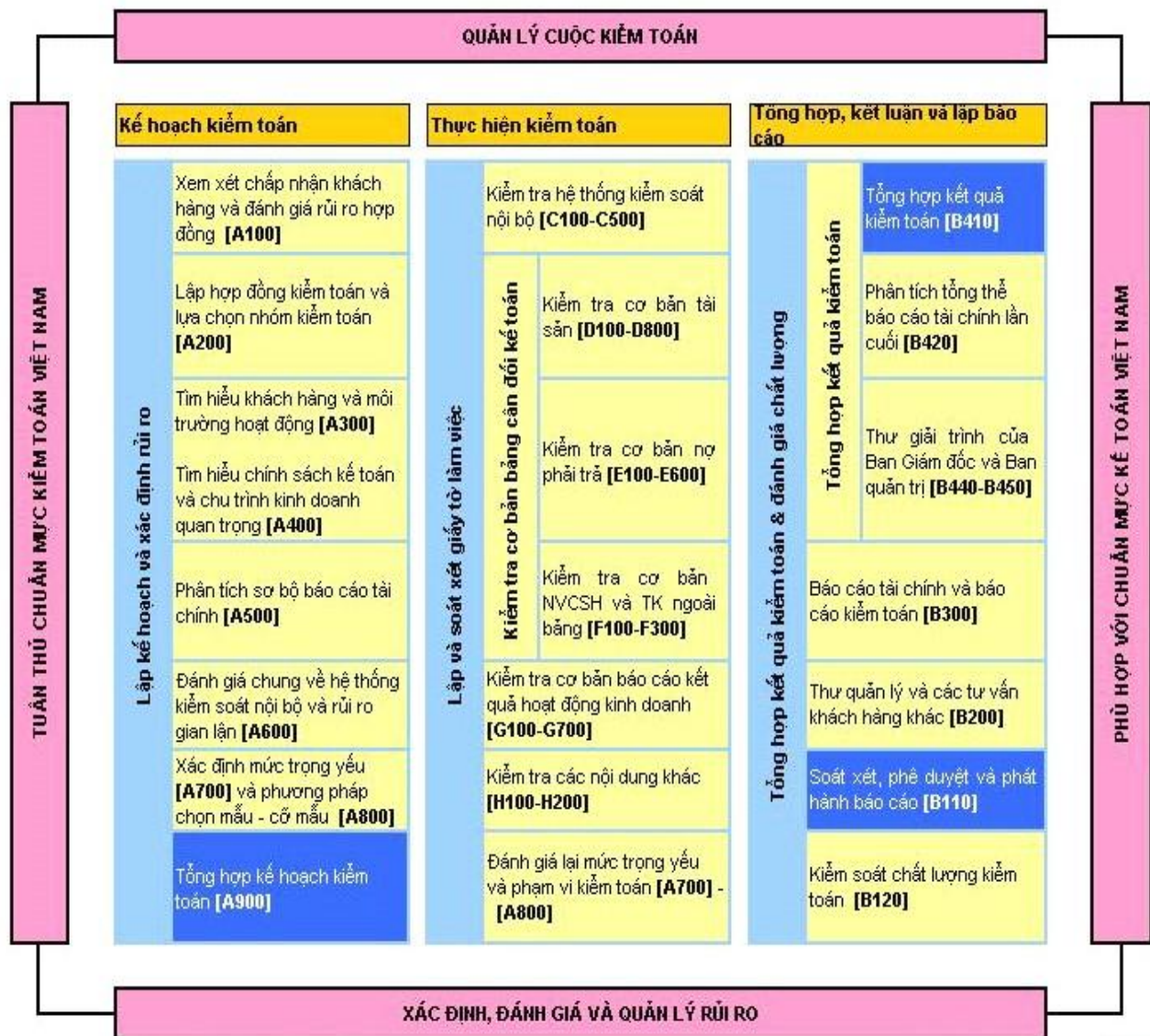
❖ Chương trình kiểm toán hiện đang áp dụng

Hiện nay, Công ty thực hiện kiểm toán theo chương trình kiểm toán được dựa trên chương trình kiểm toán mẫu của Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (Ban hành theo Quyết định số 1089/QĐ-VACPA ngày 01/10/2010 của Chủ tịch VACPA) và có chỉnh sửa lại chút ít để phù hợp với tình hình kiểm toán của công ty. Để đảm bảo tính hiệu quả, tính kinh tế và tính hiệu lực của từng cuộc kiểm toán cũng như thu thập được đầy đủ bằng chứng có giá trị để làm căn cứ cho kết luận của KTV, khi tiến hành kiểm toán, quy trình kiểm toán BCTC chung tại công ty bao gồm ba giai đoạn cơ bản: lập kế hoạch, thực hiện kiểm toán và kết thúc kiểm toán.

2.3. Quy trình kiểm toán BCTC và khoản mục doanh thu tại công ty kiểm toán Phương Nam

Sơ đồ 2.3: Quy trình kiểm toán BCTC

CHU TRÌNH KIỂM TOÁN



Hiện nay, Công ty thực hiện kiểm toán theo chương trình kiểm toán được dựa trên chương trình kiểm toán mẫu của Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (Ban hành theo Quyết định số 1089/QĐ-VACPA ngày 01/10/2010 của Chủ tịch VACPA) và có chỉnh sửa lại chút ít để phù hợp với tình hình kiểm toán của công ty. Để đảm bảo tính hiệu quả, tính kinh tế và tính hiệu lực của từng cuộc kiểm toán cũng như thu thập được đầy đủ bằng chứng có

giá trị để làm căn cứ cho kết luận của KTV, khi tiến hành kiểm toán, quy trình kiểm toán BCTC chung tại công ty bao gồm ba giai đoạn cơ bản: lập kế hoạch, thực hiện kiểm toán và kết thúc kiểm toán.

2.3.1 Lập kế hoạch kiểm toán

2.3.1.1 Chấp nhận khách hàng và đánh giá rủi ro hợp đồng

Công ty Phương Nam khi được yêu cầu cung cấp dịch vụ kiểm toán từ khách hàng, người phụ trách hợp đồng sẽ tìm hiểu thực tế tại công ty khách hàng. Tùy thuộc vào khách hàng là cũ hay mới mà công ty sẽ áp dụng các biểu mẫu khác nhau.

Đối với khách hàng mới:

Bằng các phương pháp như phỏng vấn, quan sát, thu thập tài liệu chẳng hạn như hồ sơ pháp lý (Giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đầu tư...), báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dựa vào xét đoán nghề nghiệp, người phụ trách hợp đồng sẽ ghi nhận những đánh giá kết quả và phê duyệt dựa trên:

- Những thông tin cơ bản của khách hàng
- Các hoạt động của khách hàng
- Ban giám đốc/ Hội đồng quản trị/ Ủy ban kiểm toán
- Người tiền nhiệm của kiểm toán viên
- Tính độc lập nghề nghiệp
- Gian lận, không tuân thủ và hoạt động rửa tiền
- Điều kiện tiên quyết cho hợp đồng kiểm toán

Đối với khách hàng cũ:

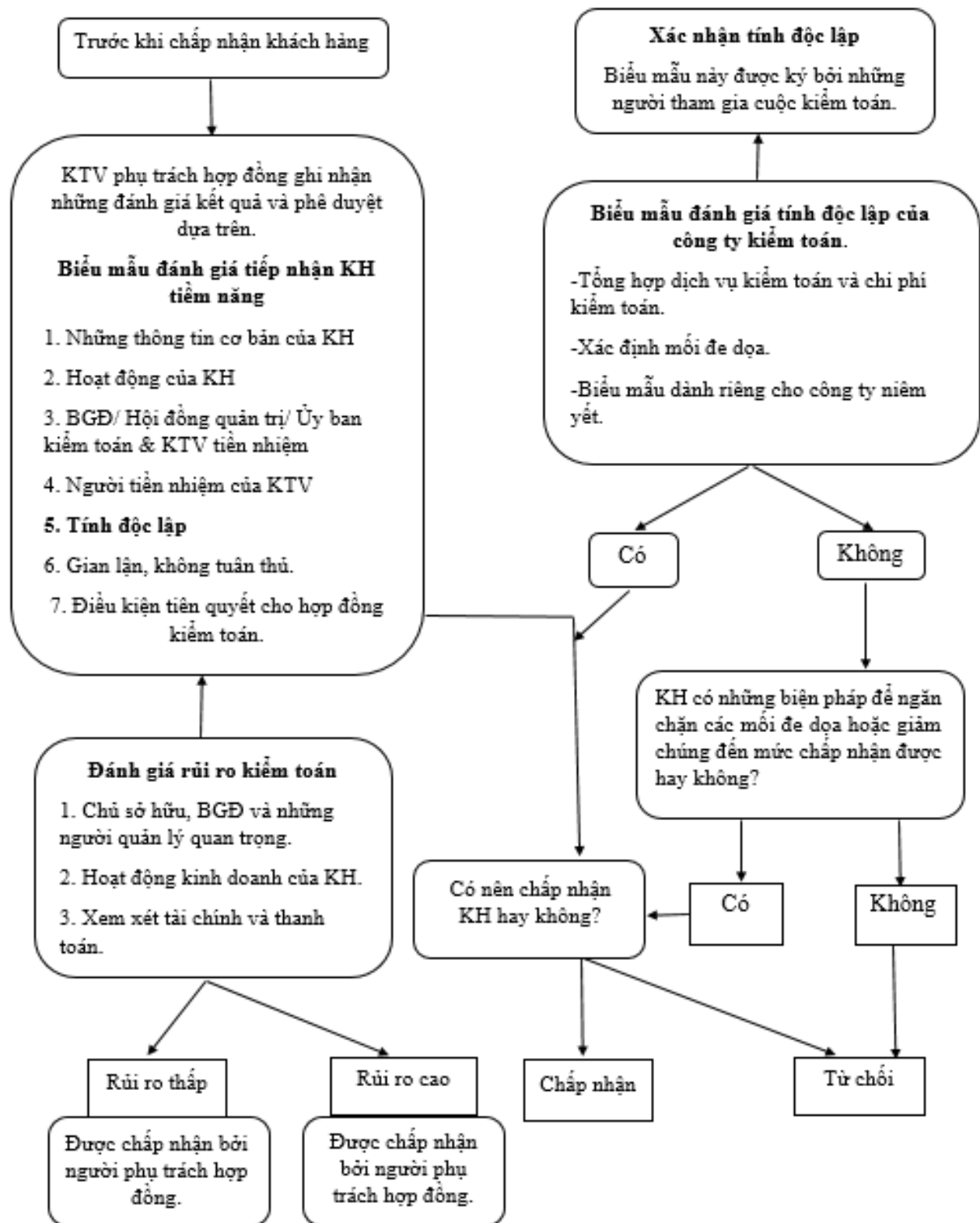
Trước khi ký lại hợp đồng, công ty cũng có biểu mẫu riêng để tìm hiểu lại khách hàng và quy trình tìm hiểu cũng gần giống như đối với khách hàng mới, chỉ khác có thêm thời gian bắt đầu kiểm toán công ty khách hàng và đã kiểm toán được bao lâu?.

Tiếp đến, người phụ trách sẽ tiến hành phân tích sơ bộ hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng nhằm đánh giá rủi ro kiểm soát của công ty khách hàng dựa vào các yếu tố:

- Chủ sở hữu, Ban giám đốc và những người quản lý quan trọng
- Hoạt động kinh doanh của khách hàng
- Xem xét tài chính và thanh khoản

Sau khi tìm hiểu khách hàng và đánh giá rủi ro kiểm soát xong, nếu thông tin tìm hiểu tốt và rủi ro kiểm soát thấp thì công ty sẽ đưa ra ý kiến chấp nhận khách hàng. Ngược lại, nếu thông tin không rõ ràng hoặc sai phạm hay có rủi ro kiểm soát cao thì công ty có thể đưa ra ý kiến không chấp nhận.

Sơ đồ 2.4: Các thủ tục chấp nhận khách hàng tiềm năng



Từ sơ đồ trên có thể thấy rằng quy trình chấp nhận khách hàng của công ty rất chặt chẽ và yêu cầu kiểm toán viên rất thận trọng trước khi chấp nhận khách hàng đặc biệt là khách hàng mới.

2.3.1.2 Lập hợp đồng và lựa chọn nhóm kiểm toán

Sau khi chấp nhận khách hàng, công ty tiến hành gửi thư chào, báo giá và tiến đến ký hợp đồng kiểm toán với khách hàng. Căn cứ vào pháp lệnh hợp đồng kinh tế theo Nghị định số 17/2012/NĐ-CP và chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, hai bên sẽ ký kết hợp đồng kiểm toán. Khi hợp đồng kiểm toán đã được ký kết, trưởng phòng kiểm toán sẽ lựa chọn đội ngũ nhân viên, phân công công việc cho phù hợp. Thông thường một nhóm kiểm toán gồm 4-5 nhân viên gồm ít nhất 1 kiểm toán viên và còn lại là các trợ lý kiểm toán cấp 1 và 2. Đối với những khách hàng có quy mô lớn thì số nhân viên trong nhóm kiểm toán sẽ nhiều hơn để phù hợp với khối lượng công việc. Nếu là khách hàng cũ thì thông thường Trưởng phòng kiểm toán sẽ phân công những KTV tiền nhiệm của năm trước tiếp tục làm việc cho khách hàng đó những năm tiếp theo.

2.3.1.3 Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động

KTV sẽ tiến hành tìm hiểu kỹ hơn về khách hàng và môi trường hoạt động cả bên trong và bên ngoài có thể ảnh hưởng đến doanh nghiệp như:

- Lĩnh vực hoạt động
- Loại hình sở hữu và bộ máy quản trị
- Các thông tin chung về ngành nghề mà doanh nghiệp đang kinh doanh và xu hướng của ngành (thị trường và sự cạnh tranh, các hoạt động mang tính chu kỳ và thời vụ...)
- Các thông tin chung về yếu tố pháp lý (chế độ kế toán, hệ thống pháp luật và các quy định áp dụng đối với loại hình kinh doanh, các quy định về thuế GTGT, TNDN...)
- Thông tin về các yếu tố bên ngoài khác ảnh hưởng đến doanh nghiệp (thực trạng chung của nền kinh tế, biến động về lãi suất, tỷ giá ngoại tệ, lạm phát...)

Qua việc tìm hiểu khách hàng và môi trường kinh doanh, KTV sẽ xác định được sơ bộ

các rủi ro, các tài khoản ảnh hưởng và các thủ tục kiểm toán cần thiết cho các rủi ro đó.

2.3.1.4 Phân tích sơ bộ BCTC

Để hiểu được thông tin tổng quan về tình hình hoạt động kinh doanh trong năm và khoanh vùng kiểm toán. KTV tiến hành sử dụng các công cụ phân tích để tìm ra những biến động bất thường.

Phân tích bộ BCTC chủ yếu là phân tích bảng CĐKT và phân tích báo cáo KQHĐKD. Trong trường hợp cần thiết có thể phân tích cả báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh BCTC.

Khi thực hiện phân tích sơ bộ, KTV thực hiện việc phân tích biến động, phân tích hệ số, phân tích các số dư bất thường.

2.3.1.5 Xác định mức trọng yếu

Trong giai đoạn này, kiểm toán viên đã có hầu hết số liệu của báo cáo tài chính, dựa vào số liệu có được, kiểm toán viên sẽ xác lập mức trọng yếu, đưa ra các thủ tục kiểm toán dành cho các khoản mục.

Hiện nay, tại Công ty xác định mức trọng yếu cho tổng thể báo cáo tài chính tùy thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp, thực trạng hoạt động tài chính, mục đích của người sử dụng thông tin. KTV thường căn cứ vào 4 chỉ tiêu tài chính sau:

- **Doanh thu:** được áp dụng khi đơn vị chưa có lợi nhuận ổn định hoặc không có lợi nhuận nhưng đã có doanh thu ổn định và doanh thu là một trong những nhân tố quan trọng để đánh giá. Tỷ lệ được lựa chọn thường từ 0,5% - 3%.

- **Lợi nhuận trước thuế:** được áp dụng khi đơn vị đã có lợi nhuận ổn định. Lợi nhuận là chỉ tiêu được nhiều KTV lựa chọn vì đó là chỉ tiêu được đông đảo người sử dụng báo cáo tài chính quan tâm, nhất là cổ đông của các Công ty. Tỷ lệ được lựa chọn thường từ 5% - 10% lợi nhuận trước thuế.

- **Tổng tài sản:** được áp dụng khi đối với các Công ty có khả năng bị phá sản. Người sử dụng có thể quan tâm nhiều hơn về khả năng thanh toán thì việc sử dụng chỉ tiêu

tổng tài sản là hợp lý. Tỷ lệ được lựa chọn thường nằm trong khoảng từ 0,5% - 1% tổng tài sản.

- *Vốn chủ sở hữu*: được áp dụng khi đơn vị mới thành lập; doanh thu, lợi nhuận chưa có hoặc có nhưng chưa ổn định. Tỷ lệ được lựa chọn từ 1% - 2% vốn chủ sở hữu.

2.3.2 Thực hiện kiểm toán

2.3.2.1 Kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ

Kiểm toán viên sẽ thiết lập bảng câu hỏi về kiểm soát nội bộ và thực hiện kiểm tra bằng cách phỏng vấn trực tiếp hay quan sát gián tiếp....

Nội dung của các câu hỏi thường là:

1. Các khoản bán chịu có được xét duyệt trước khi gửi hàng hay không?
2. Các chứng từ gửi hàng có được đánh số liên tục trước khi sử dụng hay không?
3. Các hoá đơn bán hàng có được đánh số liên tục trước khi sử dụng hay không?
4. Có quy định bắt buộc kiểm tra để bảo đảm rằng mọi hàng hoá gửi đi đều được lập hóa đơn hay không?
5. Có bảng giá được duyệt để làm cơ sở tính tiền trên hoá đơn hay không?
6. Hoá đơn có được kiểm tra độc lập trước khi gửi đi hay không?
7. Hàng tháng có gửi một bảng sao kê công nợ cho khách hàng hay không?
8. Việc nhận hàng bị trả lại có sự phê duyệt của người có thẩm quyền hay không?
9. Đơn vị có thực hiện việc đối chiếu giữa tài khoản chi tiết về các khách hàng với tài khoản nợ phải thu khách hàng trên sổ cái, và việc đối chiếu này thực hiện khi nào?

Đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm soát

Trên cơ sở các hiểu biết về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán viên đưa ra đánh giá sơ bộ về rủi ro kiểm soát. Ở bước này, KTV thường lập bảng mô tả rủi ro gồm: trình bày những rủi ro; mức độ ảnh hưởng của rủi ro; khả năng ảnh hưởng; và đưa ra phương pháp kiểm toán. Cần lưu ý rằng khi đánh giá rủi ro kiểm soát thấp hơn mức tối đa, kiểm toán viên phải chứng minh điều này bằng các thử nghiệm kiểm soát.

Thử nghiệm kiểm soát

Do quá trình bán hàng là quá trình chuyển quyền sở hữu hàng hóa - tiền tệ giữa người mua và người bán, gắn với lợi ích kinh tế và trách nhiệm pháp lý của mỗi bên, nên công việc kiểm soát nội bộ cần được thực hiện chặt chẽ và các thử nghiệm yêu cầu tương ứng cần phải xác định cụ thể.

Thủ tục kiểm soát liên quan đến việc ghi chép đầy đủ và chính xác các nghiệp vụ bán hàng trên sổ sách kế toán.

**Kiểm tra mẫu các nghiệp vụ bán hàng**

Kiểm toán viên thường chọn mẫu trong các hoá đơn phát hành trong kỳ để:

- Đối chiếu với đơn đặt hàng, chứng từ chuyển hàng về chủng loại, quy cách, số lượng, giá cả, ngày gửi hàng, chữ ký ... Nhằm thu thập bằng chứng rằng hóa đơn được lập trên cơ sở các nghiệp vụ bán hàng thực sự xảy ra và quy trình thực hiện nghiệp vụ đã tuân thủ đúng các quy định nội bộ của đơn vị.
- Kiểm tra chữ ký xét duyệt bán chịu và cơ sở xét duyệt để xem có tuân thủ các thủ tục xét duyệt bán chịu hay không?
- Xem xét tổng cộng của từng loại hàng, tổng cộng từng hoá đơn, so sánh giá trên hóa đơn với bảng giá được duyệt tại mỗi thời điểm, thử nghiệm này nhằm chứng minh rằng hóa đơn được tính giá chính xác và việc kiểm tra chúng trước khi gửi đi được thực hiện một cách hữu hiệu.
- Sau khi xem xét về tính chính xác trên, kiểm toán viên sẽ lần theo các hóa đơn để kiểm tra việc ghi chép chúng trên sổ sách kế toán.
- Kiểm toán viên sẽ từ hóa đơn để kiểm tra đến nhật ký. Sau đó, tiếp tục đối chiếu số tổng cộng trên nhật ký với tài khoản trên sổ cái, thử nghiệm này nhằm tập hợp bằng chứng về sự hữu hiệu của các thủ tục kiểm soát.

Thủ tục kiểm soát liên quan đến việc ghi chép đầy đủ và chính xác các nghiệp vụ bán hàng trên sổ sách kế toán.

**Chọn mẫu đối chiếu giữa chứng từ chuyển hàng với những hóa đơn liên quan**

Thử nghiệm trên đã so sánh hóa đơn với đơn đặt hàng nhằm bảo đảm các hóa đơn được lập chính xác trên cơ sở số hàng được giao. Tuy nhiên, thử nghiệm trên không giúp phát hiện các trường hợp hàng đã được gửi đi nhưng vì một lý do nào đó mà không lập hóa đơn. Để kiểm tra vấn đề này, cần chọn mẫu các chứng từ chuyển hàng đã lập trong năm và đối chiếu với hóa đơn có liên quan.

✚ Xem xét sự xét duyệt và ghi chép về hàng bán bị trả lại, hoặc bị hư hỏng

Kiểm tra tất cả hàng hóa bị trả lại, hay bị hư hỏng có được chứng minh bằng các tài liệu đã được đánh số thứ tự, được xét duyệt và ký bởi cấp có thẩm quyền và họ phải độc lập với việc chi quỹ, hay giữ sổ kế toán không?

Đánh giá lại rủi ro kiểm soát

Sau khi thực hiện các thử nghiệm trên, kiểm toán viên sẽ đánh giá mức rủi ro kiểm soát cho mỗi cơ sở dẫn liệu liên quan đến khoản nợ phải thu khách hàng. Khi đánh giá kiểm toán viên nên nhận diện những điểm yếu của hệ thống kiểm soát nội bộ để mở rộng các thử nghiệm cơ bản và những điểm mạnh cho phép giảm thiểu các thử nghiệm cơ bản.

Thực hiện kiểm toán

Kiểm toán viên sẽ tiến hành kiểm toán theo chương trình kiểm toán đã được thiết kế sẵn dựa trên chuẩn mực kiểm toán của Bộ Tài chính (VACPA). Chương trình này chỉ dẫn mục tiêu kiểm toán cho từng phần hành cụ thể, nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán cụ thể và thời gian ước tính cần thiết cho từng phần hành. Kiểm toán viên sẽ tiến hành phân tích, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng để có cái nhìn ban đầu về rủi ro kiểm soát của đơn vị (thông qua các tài liệu do khách hàng cung cấp, các thông tin kiểm toán viên thu thập được, các bản khảo sát...) nếu hệ thống kiểm soát là hữu hiệu, rủi ro kiểm soát thấp, kiểm toán sẽ tăng cường các thử nghiệm kiểm soát để đánh giá nhận định ban đầu và ngược lại. Trong thử nghiệm cơ bản, kiểm toán viên sẽ tiến hành các thủ tục phân tích như tính các tỷ số và các thử nghiệm chi tiết như: kiểm tra đối chiếu giữ sổ chi tiết và sổ cái, gửi thư xác nhận, kiểm tra chứng từ...

Đối với khoản mục doanh thu, trong giai đoạn này cần thực hiện:

Thủ tục phân tích:

- So sánh doanh thu phát sinh năm nay với năm trước.
- Tính toán lợi nhuận gộp và so sánh với năm trước.
- Tìm hiểu và giải thích chênh lệch nếu có.

Kiểm tra chi tiết:

Kiểm toán viên sẽ chọn mẫu một số nghiệp vụ phát sinh doanh thu để:

- Đối chiếu số liệu giữa bảng cân đối số phát sinh và sổ cái tài khoản doanh thu.
- Thực hiện phép thử Walkthrough.

Tương tự kiểm tra hóa đơn, chứng từ bằng cách chọn mẫu các nghiệp vụ có phát sinh doanh thu lớn và chọn mẫu ngẫu nhiên các nghiệp vụ mẫu không trọng yếu. Các bước thực hiện:

- Thu thập phiếu xuất kho trên cơ sở mẫu được lựa chọn và ghi chú bản chất giao dịch thực hiện
- Đảm bảo sự thống nhất về nội dung diễn giải giữa phiếu xuất kho và sổ cái tài khoản doanh thu.
- Hóa đơn bán hàng và hóa đơn vận tải (nếu có) doanh thu có được thông qua bởi người quản lý tài chính.
- Đảm bảo phiếu xuất kho được phát hành bởi người có thẩm quyền và hàng tồn kho được kiểm tra trước khi cung cấp cho khách hàng.
- Đảm bảo có sự nhận hàng của khách hàng.
- Kiểm tra việc ghi nhận trên sổ cái tài khoản doanh thu và danh sách tuổi nợ các khoản phải thu.

Kiểm tra cut-off doanh thu

Chọn tất cả hoặc chọn mẫu các nghiệp vụ phát sinh doanh thu. Kiểm tra phiếu đề nghị giao hàng được thừa nhận bởi khách hàng hay hóa đơn vận tải, ghi chú ngày trên phiếu đề

ngộ giao hàng hoặc hóa đơn vận tải. Cuối cùng kiểm tra doanh thu đã được ghi nhận đúng niên độ.

Kiểm tra số tiền thu khách hàng sau niên độ

Chọn mẫu các khách hàng có nợ phải thu mà doanh thu phát sinh trong năm nhưng được thanh toán sau khi kết thúc niên độ (năm tài chính hoặc năm dương lịch tùy vào từng doanh nghiệp). Xem xét kỹ các chứng từ thu tiền của các khoản doanh thu phát sinh trong năm. Kiểm tra chắc chắn rằng các chứng từ này đã được xem xét và đồng ý từ Giám đốc. Trao đổi với Ban giám đốc công ty về những chứng từ đặt biệt như là việc ghi bút toán đảo doanh thu để tìm hiểu nguyên nhân.

Kiểm tra thu nhập khác

Chọn tất cả các tài khoản có phát sinh thu nhập khác. Sau đó lập bảng tổng hợp các khoản thu nhập khác và đối chiếu với sổ cái tài khoản 711. Kiểm tra chi tiết chứng từ liên quan đến nguyên giá và giá trị hao mòn từ nghiệp vụ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định. Tham chiếu đến phần hành tài sản cố định. Cuối cùng kiểm tra chứng từ của các khoản thu nhập khác lớn có tính chất bất thường.

2.3.3 Tổng hợp, kết luận và lập báo cáo

Sau khi hoàn thành công việc kiểm toán, kiểm toán viên lưu những bằng chứng kiểm toán vào file hồ sơ riêng được quy định chung cho toàn công ty. Kiểm toán viên sẽ trao đổi với khách hàng về bút toán điều chỉnh(nếu có). Hồ sơ kiểm toán hoàn thành sẽ được trình cho kiểm toán viên chính duyệt sau đó là Giám đốc nghiệp vụ cho ý kiến và kiểm duyệt. Cuối cùng, kiểm toán viên gửi bản dự thảo báo cáo tài chính được kiểm toán đến khách hàng để lấy ý kiến của khách hàng trước khi phát hành báo cáo. Hồ sơ kiểm toán tại công ty được chú trọng sắp xếp và lưu trữ để có thể được sử dụng làm bằng chứng chứng minh, bảo vệ kiến của kiểm toán viên trong quá trình kiểm toán cho khách hàng. Tất cả các hồ sơ đều được tổ chức theo quy định chung của công ty, điều này giúp cho việc tham chiếu và kiểm tra hồ sơ được nhanh chóng và thuận tiện.

2.4 Thực tế quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu tại công ty ABC do công ty TNHH kế toán – kiểm toán Phương Nam thực hiện

2.4.1 Lập kế hoạch kiểm toán

2.4.1.1 Chấp nhận khách hàng và đánh giá rủi ro hợp đồng

Xem xét vấn đề để có thể chấp nhận khách hàng và ký hợp đồng kiểm toán:

Công ty Phương Nam nhận được lời mời kiểm toán của công ty XYZ và đây là khách hàng cũ của công ty. KTV sẽ tiến hành thu thập các thông tin cơ bản tại khách hàng, sau đó trình bày và cùng với Ban Giám đốc tiến hành xem xét. Cuối cùng Ban Giám đốc quyết định chấp nhận tiếp tục ký hợp đồng kiểm toán cho năm tài chính 31/12/2014 dựa trên các khía cạnh sau:

Thông tin chung của khách hàng:

Tên KH: công ty cổ phần ABC

Năm đầu tiên mà công ty Phương Nam kiểm toán KH: năm 2013 (công ty đã kiểm toán công ty KH được 1 năm)

Loại hình doanh nghiệp là công ty cổ phần.

Năm công ty thành lập là 2009 và đã hoạt động được 6 năm.

Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp là bán buôn tổng hợp.

Năm tài chính bắt đầu từ 1/1/2014 đến ngày 1/12/2014.

Các cổ đông của công ty gồm:

Bà Trần Thị Lâm: chủ tịch

Nguyễn Thị Thu Trà: thành viên

Thái Thị Thanh Hà: thành viên

Nguyễn Đức Anh: thành viên

Người đại diện doanh nghiệp là ông Lục Cẩm Phong đang giữ chức Giám đốc tại công ty.

Chuẩn mực và Chế độ kế toán mà doanh nghiệp áp dụng trong việc lập và trình bày BCTC là Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VASs) và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Các dịch vụ, báo cáo được khách hàng yêu cầu là Kiểm toán BCTC và phải hoàn thành trước ngày 25/2/2015.

Lý do doanh nghiệp muốn có BCTC được kiểm toán là vì công ty cổ phần nên các cổ đông yêu cầu BCTC hằng năm phải được kiểm toán.

Khả năng cung cấp dịch vụ của công ty kiểm toán:

Nhân sự của công ty Phương Nam có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và các nguồn lực cần thiết để thực hiện dịch vụ kiểm toán cho khách hàng ABC.

Không có bất cứ nghi ngờ nào phát sinh trong quá trình làm việc liên quan đến tính chính trực của Ban Giám đốc doanh nghiệp.

Báo cáo kiểm toán về BCTC năm trước không có ý kiến không chấp nhận toàn phần.

Kiểm toán viên chưa có phát hiện nghi ngờ nào phát sinh trong quá trình làm việc liên quan đến tính chính trực của Ban Giám đốc công ty khách hàng ABC.

Không có vấn đề nào liên quan đến sự không tuân thủ pháp luật nghiêm trọng của Ban Giám đốc công ty ABC.

Không có nghi ngờ lớn nào về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Chưa có các vấn đề bất lợi, kiện tụng hay tranh chấp bất thường và rủi ro trọng yếu liên quan đến lĩnh hoạt động của doanh nghiệp.

Mức phí cung cấp dịch vụ:

Mức phí của dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2014 mà công ty ABC phải trả cho công ty Phương Nam là 80 triệu đồng.

Tổng phí từ khách hàng không chiếm một phần lớn trong tổng doanh thu của công ty Phương Nam.

Phí của khách hàng không chiếm phần lớn trong thu nhập của thành viên Ban giám đốc phụ trách hợp đồng kiểm toán này.

Khách hàng hiện không có khoản phí kiểm toán, phí dịch vụ khác quá hạn thanh toán trong thời gian dài.

Quan hệ với khách hàng:

Công ty Phương Nam cũng như thành viên của nhóm kiểm toán không có tham gia vào bất kỳ thanh chấp nào liên quan đến khách hàng ABC.

Thành viên Ban Giám đốc phụ trách hợp đồng kiểm toán và trưởng nhóm kiểm toán kiểm toán không tham gia nhóm kiểm toán trong 3 năm liên tiếp.

Thành viên BGD của công ty Phương Nam và các thành viên của nhóm kiểm toán không có quan hệ gia đình hay quan hệ cá nhân, quan hệ kinh tế gần gũi với nhân viên hoặc Ban Giám đốc của công ty ABC.

Công ty Phương Nam cũng như thành viên nhóm kiểm toán không là thành viên của quỹ nắm giữ cổ phiếu của khách hàng.

Không có ai trong số những người sau đây tại công ty Phương Nam hiện là nhân viên hoặc Giám đốc của công ty khách hàng ABC:

+Thành viên của nhóm kiểm toán.

+Thành viên BGD

+Cựu thành viên BGD

+Các cá nhân có quan hệ thân thiết hoặc quan hệ gia đình với những người nêu trên.

Không có thành viên của Ban Giám đốc hay thành viên nào của nhóm kiểm toán sắp trở thành thành viên của công ty khách hàng ABC.

Không có các khoản vay hay bảo lãnh, không giống các hoạt động kinh doanh thông thường giữa khách hàng và công ty Phương Nam hoặc thành viên của nhóm kiểm toán.

Mâu thuẫn lợi ích:

Không có bất cứ mâu thuẫn về lợi ích giữa khách hàng ABC với các khách hàng hiện tại khác.

Cung cấp dịch vụ ngoài kiểm toán:

Phương Nam không có cung cấp các dịch vụ nào khác cho khách hàng làm ảnh hưởng đến tính độc lập của cuộc kiểm toán.

Khác:

Không có các yếu tố khác khiến Phương Nam phải cân nhắc việc từ chối bổ nhiệm làm kiểm toán cho khách hàng ABC.

Từ những thông tin thu thập được như trên, KTV đánh giá mức độ rủi ro của hợp đồng là thấp và Ban Giám đốc đã đưa ra ý kiến chấp nhận duy trì khách hàng.

2.4.1.2 Lập hợp đồng kiểm toán và lựa chọn nhóm kiểm toán

Hợp đồng kiểm toán sẽ được ký kết ngay sau khi có ý kiến chấp nhận khách hàng bằng mẫu hợp đồng thiết kế sẵn của công ty được dựa vào pháp lệnh hợp đồng kinh tế theo Nghị định số 17/2012/NĐ-CP và chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Hợp đồng có các nội dung chính như sau:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ABC.

BÊN B: CÔNG TY TNHH KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN PHUONG NAM.

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Các Báo cáo tài chính này được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

ĐIỀU 2: LUẬT ĐỊNH VÀ CHUẨN MỰC

Bên B sẽ thực hiện kiểm toán phù hợp với các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Trách nhiệm của Bên A:

Ban Giám đốc Bên A có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Trách nhiệm của Bên B:

Bên B sẽ có trách nhiệm trong việc: (1) lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam; (2) lập và thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, thực hiện cuộc kiểm toán theo kế hoạch; (3) cử các kiểm toán viên có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán; (4) cung cấp báo cáo kiểm toán cho Bên A khi kết thúc công việc kiểm toán.

ĐIỀU 4: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Sau khi kết thúc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A ba (03) bộ báo cáo kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

ĐIỀU 5: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phí dịch vụ:

Tổng phí dịch vụ cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là: 80.000.000VND (Tám mươi triệu đồng chẵn).

ĐIỀU 6: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai Bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành 02 bản tiếng Việt và mỗi bên giữ 01 bản. Hợp đồng này có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai Bên cho đến khi thanh lý hợp đồng theo quy định.

Khi hợp đồng kiểm toán đã được ký kết, trưởng phòng kiểm toán sẽ lựa chọn đội ngũ nhân viên, phân công công việc cho phù hợp. Và nhóm kiểm toán tại công ty khách hàng ABC này gồm có 5 nhân viên (trong đó có 4 nhân viên tại công ty và tôi).

Chị Lê Thị Minh Thi: nhóm trưởng

Anh Đỗ Thành Tân : trợ lý

Anh Nguyễn Thế Anh : trợ lý

Chị Nguyễn Thị Nhâm: trợ lý

Nguyễn Thị Diễm: thực tập sinh

Trong đó, chị Thi và anh Thế Anh là nhân viên tiền nhiệm năm trước. Nhóm kiểm toán sẽ tiến hành kiểm tại công ty khách hàng trong 5 ngày (từ ngày 15/1/2015 đến ngày 19/1/2015).

2.4.1.3 Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động

Tại công ty khách hàng, KTV và các trợ lý kiểm toán sẽ tiến hành thu thập hiểu biết về KH và môi trường hoạt động để xác định và hiểu các sự kiện, giao dịch và thông lệ kinh doanh của KH có ảnh hưởng trọng yếu tới BCTC, qua đó giúp xác định rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Nội dung các thông tin thu thập như sau:

- Các thông tin chung về ngành nghề mà doanh nghiệp đang kinh doanh và xu hướng của ngành nghề:

Thị trường và sự cạnh tranh: Nhìn chung trong những năm gần đây nhu cầu của thị trường tăng mạnh nên có nhiều thuận lợi cho công ty. Tuy nhiên bên cạnh đó cũng có nhiều công ty mới được thành lập, nên sự cạnh tranh cũng trở nên khó khăn hơn. Dù vậy, công ty vẫn đạt được doanh thu tốt.

- Các thông tin chung về yếu tố pháp lý:

Chế độ kế toán và các thông lệ kế toán: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và hệ thống Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành.

Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng:

+Niên độ kế toán bắt đầu từ 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

+Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

Hệ thống pháp luật và các quy định áp dụng đối với loại hình/ngành nghề kinh doanh của DN và có ảnh hưởng trọng yếu tới hoạt động của DN: Công ty tuân thủ theo các quy định tại luật luật doanh nghiệp Việt Nam và luật chuyên ngành.

Các quy định về thuế: Công ty áp dụng theo thông tư 219/2013/TT-BTC về thuế GTGT và thông tư 78 về thuế TNDN.

- Các thông tin về các yếu tố bên ngoài khác ảnh hưởng tới DN:

Thực trạng chung của nền kinh tế: Mặc dù trong năm 2014 nền kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn, doanh nghiệp vẫn chưa phục hồi sản xuất như mong đợi, nhưng theo nhận định của một số chuyên gia, nền kinh tế Việt Nam đang dần phục hồi và trên đà phát triển.

Biến động về lãi suất, tỷ giá ngoại tệ, lạm phát: Lãi suất, tỷ giá ngoại tệ trong năm qua cũng có nhiều biến đổi nhưng có sự điều chỉnh linh hoạt hơn. Theo Tổng cục Thống kê công bố tính chung cả năm 2014, lạm phát chỉ tăng 1,84 %. Như vậy có thể thấy lạm phát năm 2014 thấp kỷ lục trong các năm trở lại đây.

- Các thông tin chung về lĩnh vực hoạt động của DN:

Bản chất của các nguồn doanh thu, sản phẩm hay dịch vụ và thị trường: Bán buôn tổng hợp.

- Loại hình sở hữu và bộ máy quản trị

Loại hình sở hữu: Công ty cổ phần.

Các bên liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

- Các thông tin chung về chính sách kế toán áp dụng bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin sau:

Các chính sách kế toán áp dụng đối với các giao dịch quan trọng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC; thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu: doanh thu ghi nhận tuân thủ đầy đủ 5 điều kiện ghi nhận theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS 14).

Các loại ước tính kế toán: Lập dự phòng khi HTK bị giảm giá, khi các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa đến hạn nhưng khó thu hồi.

Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận TSCD: theo nguyên tắc giá.

Các quy định mới về kế toán, hoặc mới có hiệu lực: Thông tư mới việc thay đổi chế độ kế toán là thông tư 200/2014/TT-BTC về chế độ kế toán.

Qua việc tìm hiểu KH và môi trường kinh doanh, KTV đưa ra kết luận sơ bộ về các rủi ro, TK ảnh hưởng, thủ tục kiểm toán đối với rủi ro đó như sau:

Rủi ro liên quan tới toàn bộ BCTC: Không có

Rủi ro liên quan đến các tài khoản cụ thể: Không có

Các thủ tục kiểm soát cơ bản cho rủi ro cụ thể: Không có

2.4.1.4 Phân tích sơ bộ BCTC

Để hiểu được tổng quan về tình hình hoạt động kinh doanh trong năm và giới hạn phạm vi kiểm toán. KTV tiến hành sử dụng các công cụ phân tích để tìm ra những biến động bất thường. Phân tích sơ bộ BCTC chủ yếu là phân tích bảng CĐKT và phân tích báo cáo KQHĐKD. Trong trường hợp cần thiết có thể phân tích cả báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh BCTC và tỷ số tài chính.

Dưới đây là phân tích bảng CĐKT và Báo cáo KQHĐKD: kiểm toán viên sẽ tiến hành phân tích sơ bộ BCTC gồm phân tích 2 bảng: cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc thực hiện bước này cũng khá đơn giản, kiểm toán viên sẽ thu thập bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm tài chính (2013 và 2014), sau đó tính tỷ số biến động số liệu tương ứng của 2 năm từ đó dễ dàng phát hiện ra các biến động bất thường nếu có và được trình bày ở bảng 2.1: Phân tích sơ bộ bảng CĐKT.

Bảng 2.1: Phân tích bảng CĐKT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Tài sản	12/31/2014	12/31/2013	Biến động	
	Trước KT	Sau KT	VND	%
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	19,643,970,400	14,301,076,518	5,342,893,882	37.36
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	7,616,120,230	4,174,008,153	3,442,112,077	82.47
1. Tiền	7,616,120,230	4,174,008,153	3,442,112,077	82.47
2. Các khoản tương đương tiền	-			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4,300,000,000	3,200,000,000	1,100,000,000	34.38
1. Đầu tư ngắn hạn	4,300,000,000	3,200,000,000	1,100,000,000	34.38
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	4,100,647,988	3,764,883,980	335,764,008	08.92
1. Phải thu của khách hàng	3,998,352,561	3,757,468,070	240,884,491	06.41
2. Trả trước cho người bán	99,941,300		99,941,300	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	-	-	-	-
5. Các khoản phải thu khác	2,354,127	7,415,910	-(5,061,783)	(68.26)
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-	
IV. Hàng tồn kho	3,585,685,189	3,030,302,774	555,382,415	18.33
1. Hàng tồn kho	3,585,685,189	3,030,302,774	555,382,415	18.33
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	
V. Tài sản ngắn hạn khác	41,516,993	131,881,611	(90,364,618)	(68.52)
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	95,801,104	91,200,000	4,601,104	05.05
2. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	2,790,679		2,790,679	
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	-	-	-	
5. Tài sản ngắn hạn khác	(57,074,790)	40,681,611	-(97,756,401)	(240.3)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	332,442,339	497,169,178	-(164,726,839)	(33.13)
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	-	-	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	-	-	-	-

Tài sản	12/31/2014	12/31/2013	Biến động	
	Trước KT	Sau KT	VND	%
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-	-	-
II. Tài sản cố định	26,816,668	48,211,660	-(21,394,992)	(44.38)
1. Tài sản cố định hữu hình	26,816,668	48,211,660	(21,394,992)	(44.38)
- Nguyên giá	75,320,000	75,320,000	-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	(48,503,332)	(27,108,340)	(21,394,992)	78.92
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-
- Nguyên giá	-	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-
- Nguyên giá	-	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
- Nguyên giá	-	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính DH	-	-	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	305,625,671	448,957,518	-(143,331,847)	(31.93)
1. Chi phí trả trước dài hạn	157,225,671	294,813,518	(137,587,847)	(46.67)
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	8,400,000	14,144,000	-(5,744,000)	(40.61)
3. Tài sản dài hạn khác	140,000,000	140,000,000	-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	19,976,412,739	14,798,245,696	5,178,167,043	34.99

Nguồn vốn	12/31/2014	12/31/2013	Biến động	
	Trước KT	Sau KT	VND	%
A. NỢ PHẢI TRẢ	8,822,887,084	7,996,770,861	826,116,223	10.33
I. Nợ ngắn hạn	8,822,887,084	7,996,770,861	826,116,223	10.33
1. Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	
2. Phải trả người bán	6,355,120,020	6,250,600,574	104,519,446	1.67
3. Người mua trả tiền trước	775,093,763	428,625,437	346,468,326	80.83
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	877,495,571	877,183,243	312,328	0.04
5. Phải trả người lao động	572,042,558	342,874,600	229,167,958	66.84
6. Chi phí phải trả	42,000,000	70,720,000	(28,720,000)	(40.61)
7. Phải trả nội bộ	-	-	-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	-	-	-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	201,135,172	26,767,007	174,368,165	651.43
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
12. Giao dịch mua bán trái phiếu CP	-	-	-	-
II. Nợ dài hạn	-	-	-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	-	-	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	-	-	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	-	-	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	-	-	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	11,153,525,655	6,801,474,835	4,352,050,820	63.99
I. Vốn chủ sở hữu	11,153,525,655	6,801,474,835	4,352,050,820	63.99
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2,080,300,000	2,080,300,000	-	
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-

Nguồn vốn	12/31/2014	12/31/2013	Biến động	
	Trước KT	Sau KT	VND	%
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9,073,225,655	4,721,174,835	4,352,050,820	92.18
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-
1. Nguồn kinh phí	-	-	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	19976412739	14,798,245,696	5,178,167,043	34.99

Căn cứ vào bảng 2.1, ta thấy năm 2014, công ty ABC có tổng tài sản tăng hơn năm 2013 là 5,178,167,043 tương đương tăng 34.99%. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 5,342,893,882 tương đương chiếm 37.36 % gồm tiền tăng 3,442,112,077 (chiếm 82.47%); đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 1,100,000,000 (chiếm 34.38%); phải thu khách hàng tăng 240,884,491 (chiếm 6.41%) và hàng tồn kho tăng 555,382,415 (chiếm 18.33%)... Tổng nguồn vốn cũng tăng một lượng tương tự như tổng tài sản. Trong đó, nợ ngắn hạn tăng 826,116,223 (chiếm 10.33 %) và vốn chủ sở hữu cũng tăng 4,352,050,820 (chiếm 63.99%). Từ nhận xét trên cho thấy, tình hình hoạt động và kinh doanh năm 2014 tại công ty ABC có sự phát triển tốt hơn năm 2013.

Bảng 2.2: Phân tích bảng Báo cáo KQHĐKD

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

	Năm 2014	Tỷ lệ	Năm 2013	Tỷ lệ	Biến động	
	Trước KT	trên DTT	Sau KT	trên DTT	VND	%
1. Doanh thu bán hàng	35,695,062,832	1.010	32,688,481,250	1.006	3,006,581,582	9.20
2. Các khoản giảm trừ	357,300,704	0.010	200,456,708	0.006	156,843,996	78.24
3. Doanh thu thuần bán hàng	35,337,762,128	1.000	32,488,024,542	1.000	2,849,737,586	8.77
4. Giá vốn hàng bán	22,002,679,332	0.623	20,457,987,120	0.630	1,544,692,212	7.55
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	13,335,082,796	0.377	12,030,037,422	0.370	1,305,045,374	10.85
6. Doanh thu hoạt động tài chính	169,058,157	0.005	160,458,708	0.005	8,599,449	5.36
7. Chi phí tài chính	78,723,075	0.002	60,456,125	0.002	18,266,950	30.22
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	-	-	-	-	-	
8. Chi phí bán hàng	4,103,395,435	0.116	3,906,478,234	0.120	196,917,201	5.04
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,814,258,403	0.108	3,145,387,120	0.097	668,871,283	21.27
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5,507,764,040	0.156	5,078,174,651	0.156	429,589,389	8.46
11. Thu nhập khác	562,663	0.000		-	562,663	
12. Chi phí khác	2,069,836	0.000		-	2,069,836	
13. Lợi nhuận khác	(1,507,173)	- 0.000		-	(1,507,173)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,506,256,867	0.156	5,078,174,651	0.156	428,082,216	8.43
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,148,462,047	0.032	1,032,712,104	0.032	115,749,943	11.21
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	5,744,000	0.000	4,467,800	0.000	1,276,200	28.56
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4,352,050,820	0.123	4,040,994,747	0.124	311,056,073	7.70
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu						

Nhìn vào bảng 2.2 Phân tích bảng Báo cáo KQHĐKD, ta có thể thấy kết quả kinh doanh của công ty ABC năm 2014 tốt hơn so với năm 2013, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh

nghiệp năm 2014 tăng 311,056,073 (chiếm 7.7 %) so với năm 2013. Năm nay, doanh thu bán hàng tăng 3,006,581,582 tương đương tăng 9.2 % so với năm 2013. Mặc dù các khoản giảm trừ doanh thu năm 2014 tăng khá cao 156,843,996 (chiếm đến 78.24 %) nhưng doanh thu thuần bán hàng vẫn không giảm mà tăng hơn năm 2013 là 2,849,737,586 (chiếm 8.77%). Giá vốn hàng bán năm 2014 cũng tăng 1,544,692,212 (7.55%) so với năm 2013, tuy nhiên lợi nhuận gộp về bán hàng cũng tăng 1,305,045,374 (10.85%) do doanh thu thuần tăng nhiều. Các khoản chi phí cũng tăng nhưng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh vẫn tăng hơn năm 2013 là 429,589,389 (8.46%) do công ty mở rộng quy mô bán hàng.

Tiếp đến, kiểm toán viên sẽ thực hiện phân tích các hệ số. Ở phân tích hệ số, kiểm toán viên sẽ tính các hệ số thanh toán nhanh (dựa vào tài khoản tiền, tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn), hệ số đo lường khả năng hoạt động (dựa vào số liệu của doanh thu thuần, giá vốn hàng bán, hàng tồn kho, nợ phải thu, tài sản ngắn hạn, nợ ngắn hạn), hệ số khả năng sinh lời (dựa vào lãi gộp, doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế, lợi nhuận trước thuế, tổng tài sản) và cuối cùng là hệ số nợ (dựa vào số liệu của nợ dài hạn, vốn chủ sở hữu, nợ phải trả, tổng tài sản).

Mục đích của việc làm này giúp KTV bước đầu hiểu rõ hơn về tình hình hoạt động của khách hàng, tình hình tài chính và khả năng thanh toán của công ty khách hàng. Bên cạnh đó, phân tích hệ số còn giúp phát hiện những biến động bất thường từ đó giúp KTV dự đoán về những khoản mục có rủi ro cao.

Dưới đây là các bảng tổng hợp phân tích hệ số:

Bảng 2.3: Phân tích hệ số thanh toán nhanh

Các hệ số thông thường sử dụng	Năm 2014 Trước KT	Năm 2013 Sau KT	Biến động	
			VND	%
<u>Hệ số thanh toán</u>				
Hệ số thanh toán hiện hành	2.226	1.788	0.438	24.49
Hệ số thanh toán nhanh	1.820	1.409	0.411	29.17
Hệ số thanh toán bằng tiền	0.863	0.522	0.341	5.33

Bảng 2.3 Phân tích hệ số thanh toán nhanh cho chúng ta thấy hệ số thanh toán năm 2014 đều tăng so với năm 2013, điều đó chứng tỏ khả năng thanh toán tại công ty ABC năm 2014 cao hơn năm 2013. Trong đó, hệ số thanh toán hiện hành tăng 0,438 lần tương đương 24.49%. Hệ số thanh toán nhanh cũng tăng 0.411 lần (chiếm 29.17%) và hệ số thanh toán bằng tiền năm 2014 tăng 0.341 lần (chiếm tới 65.33%) so với năm 2013.

Bảng 2.4: Phân tích hệ số nợ

Chỉ tiêu	Năm 2014 Trước KT	Năm 2013 Sau KT	Biến động	
			VND	%
<u>Hệ số nợ</u>				
Tổng nợ trên vốn chủ sở hữu	0.791	1.176	(0.385)	(32.74)
Tổng nợ trên tổng tài sản	0.441	0.540	(0.099)	(18.33)

Căn cứ vào bảng 2.4: Phân tích hệ số nợ, ta có thể thấy hệ số nợ năm 2014 giảm hơn nhiều so với năm 2013. Điều đó có nghĩa tỷ lệ nợ của công ty ít hơn năm trước, tức là khả năng trả nợ của năm nay tốt hơn năm 2013. Tổng nợ trên vốn chủ sở hữu năm 2014 giảm 0.385 lần (tương đương giảm 32.74%) so với năm 2013. Và tổng nợ trên tổng tài sản năm 2014 cũng giảm xuống 0.099 lần (tương đương giảm 18.33%) so với 2013.

Tóm lại, năm 2014, qua phân tích các bảng CĐKT, KQHĐKD và phân tích các hệ số, KTV nhận thấy tình hình tài chính tại công ty ABC khả quan hơn năm 2013. Năm 2014, tổng tài sản và nguồn vốn tại công ty ABC đều tăng, khả năng thanh toán của công ty tốt và chỉ số nợ giảm so với năm 2013.

Kết thúc thủ tục phân tích sơ bộ BCTC, KTV sẽ tiến hành đánh giá chung về hệ thống kiểm soát nội bộ và trao đổi với ban Giám đốc về các gian lận nếu có.

2.4.1.5 Đánh giá chung về HTKSNB và trao đổi với BGD về gian lận

Đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm soát

Mục đích chính của việc đánh giá rủi ro kiểm soát là xác định tỷ lệ rủi ro của cuộc kiểm toán nhằm giảm thiểu các rủi ro kiểm toán xuống mức thấp nhất có thể, vì ở bất kỳ cuộc kiểm toán nào cũng có những hạn chế tiềm tàng, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, chẳng hạn như do:

- Kiểm toán viên thường chỉ lấy mẫu để kiểm tra, chứ không kiểm tra toàn bộ do bị hạn chế về thời gian và chi phí.
- Các bằng chứng kiểm toán được thu thập chủ yếu được là để dựa vào đó để thuyết phục là chính, chứ không phải nhằm chứng minh số liệu của báo cáo tài chính là tuyệt đối chính xác.
- Sự xét đoán nghề nghiệp của kiểm toán viên...

Chính vì thế, khả năng để kiểm toán viên nhận xét không chính xác về báo cáo tài chính là điều luôn có thể xảy ra. Vì vậy, ngay từ giai đoạn chuẩn bị kiểm toán, kiểm toán viên phải đánh giá rủi ro kiểm toán để điều chỉnh các thủ tục kiểm toán tăng thêm hay giữ nguyên như kế hoạch ban đầu.

Qua tìm hiểu về đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty ABC và tính chất khoản mục. Kiểm toán viên đánh giá rủi ro như sau:

Ta có công thức tính rủi ro kiểm toán: $AR=IR*CR*DR$.

$$\Rightarrow \text{Rủi ro phát hiện (DR)} = \frac{AR}{IR*CR}$$

Trong đó:

- Rủi ro kiểm toán (AR) = 5%. Đây là mức thấp nhất mà KTV chọn, bởi với tinh thần trách nhiệm ngành nghề đòi hỏi kiểm toán luôn nhìn nhận vấn đề với góc độ hoài nghi cao.
- Rủi ro tiềm tàng (IR) = 70%. Tỷ lệ này tương đối cao vì khoản mục doanh thu và liên quan đến lợi nhuận của công ty nên rất dễ bị điều chỉnh theo ý muốn chủ quan của cấp quản lý.

- Rủi ro kiểm soát (CR) = 60%. Tỷ lệ này được đánh giá là cao vì thông qua việc tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ cho thấy hệ thống được thiết kế còn nhiều thiếu sót và do tính chất công việc cũng như khoản mục doanh thu khá phức tạp.

- Như vậy rủi ro phát hiện trong kiểm toán công ty ABC được tính như sau:

$$DR = \frac{AR}{IR*CR} = \frac{5\%}{70\%*60\%} = 11,91\%$$

Đánh giá hệ thống KSNB

Đánh giá hệ thống KSNB ở cấp độ DN giúp KTV xác định sơ bộ nhân tố rủi ro, gian lận, lập kế hoạch kiểm toán và xác định nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán. Hệ thống KSNB thường có ảnh hưởng đến tất cả các mặt hoạt động của DN. Do đó, hệ thống KSNB ở cấp độ DN đặt ra tiêu chuẩn cho các phần khác của hệ thống KSNB. Hiểu biết tốt về hệ thống KSNB sẽ cung cấp một cơ sở quan trọng cho việc đánh giá hệ thống KSNB đối với các chu trình kinh doanh quan trọng. KTV sử dụng các xét đoán chuyên môn của mình để đánh giá hệ thống KSNB bằng cách phỏng vấn, quan sát hoặc kiểm tra tài liệu. Việc đánh giá này chỉ giới hạn trong 03 thành phần cấu thành của hệ thống KSNB: (1) Môi trường kiểm soát; (2) Quy trình đánh giá rủi ro; và (3) Giám sát các hoạt động kiểm soát.

Môi trường kiểm soát:

Truyền thông, thực thi tính chính trực và giá trị đạo đức trong doanh nghiệp:

Sau khi tiến hành tìm hiểu môi trường truyền thông và các giá trị đạo đức tại công ty ABC, KTV đã thu thập được các nội dung như sau:

Công ty ABC có quy định về giá trị đạo đức và các giá trị này được thông tin đến các bộ phận công ty nhưng không có văn bản cụ thể.

Không có quy định nào để giám sát việc tuân thủ các nguyên tắc về tính chính trực và giá trị đạo đức.

Có xử lý các sai phạm về tính chính trực và các giá trị đạo đức theo quy định và áp dụng nhất quán.

Cam kết đối với năng lực và trình độ của nhân viên:

- Các nhà quản lý đều có bằng cấp về quản lý.
- Doanh nghiệp có xu hướng thuê nhân viên có năng lực hơn là thuê nhân viên tốn ít chi phí.
- Doanh nghiệp sẽ xử lý quy về trách nhiệm công việc nếu nhân viên không có năng lực.

Phong cách điều hành và triết lý của các nhà quản lý doanh nghiệp:

- Các nhà quản lý có thái độ quan tâm đến hệ thống KSNB nhưng chỉ ở mức trung bình.
- Nhân viên quản lý không có các biện pháp tiếp cận các rủi ro.
- Thu nhập của các nhà quản lý có dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh thông qua quyết định thưởng cuối năm.

Cấu trúc tổ chức:

- Cơ cấu tổ chức phù hợp với quy mô, hoạt động kinh doanh và vị trí địa lý theo phân vùng hoạt động.
- Cấu trúc doanh nghiệp không có gì khác biệt so với các doanh nghiệp có quy mô tương tự trong ngành.

Phân định quyền hạn và trách nhiệm:

- Có các quy định về quyền hạn ủy quyền và phê duyệt các nghiệp vụ ở từng mức độ phù hợp.
- Có sự giám sát và kiểm tra phù hợp đối với những hoạt động được phân quyền cho nhân viên ở mức độ trung bình.
- Nhân viên của doanh nghiệp hiểu rõ được nhiệm vụ của mình.
- Những người giám sát có đủ thời gian để thực hiện công việc giám sát của mình.
- Không có sự kiêm nhiệm trong công ty.

Chính sách nhận sự và thực tế về quản lý nhân sự:

- Đơn vị có các chính sách và tiêu chuẩn rõ ràng về việc tuyển dụng, đào tạo, đánh giá, đề bạt và sa thải nhân viên.
- Các chính sách không được phê duyệt thường xuyên.
- Các nhân viên mới luôn được phổ biến trách nhiệm cũng như sự kỳ vọng của Ban Giám đốc khi mới vào làm.
- Kết quả công việc của mỗi nhân viên sẽ được đánh giá định kỳ.

Quy trình đánh giá rủi ro

Rủi ro kinh doanh liên quan đến BCTC:

- Các nhà quản lý không xác định được chính xác rủi ro kinh doanh liên quan đến BCTC.
- Cũng không ước tính ảnh hưởng về mặt tài chính.
- Tuy nhiên có sự đánh giá khả năng xảy ra rủi ro kinh doanh ở mức độ trung bình.
- Có tìm hướng khắc phục các rủi ro kinh doanh khi được phát hiện.

Giám sát các hoạt động kiểm soát

Giám sát thường xuyên và định kỳ:

- Có giám sát trong hoạt động của doanh nghiệp nhưng cũng ở mức độ trung bình.
- Doanh nghiệp không có chính sách xem xét lại hệ thống KSNB định kỳ và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống.
- Doanh nghiệp không có bộ phận kiểm toán nội bộ.

Báo cáo các thiếu sót của hệ thống KSNB:

- Doanh nghiệp có các chính sách, thủ tục để đảm bảo kịp thời các biện pháp sửa chữa đối với các thiếu sót của hệ thống KSNB.
- Ban Giám đốc có xem xét các ý kiến đề xuất liên quan đến hệ thống KSNB và thực hiện các đề xuất đó.

=> Kết luận về HTKSNB của đơn vị: Hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị khá hữu hiệu, có khả năng ngăn ngừa và kiểm soát những sai phạm trong quá trình hoạt động.

Đánh giá lại rủi ro kiểm soát

Sau khi thực hiện các thử nghiệm kiểm soát và có kết luận về hệ thống KSNB, kiểm toán viên nhận thấy công ty có thực hiện khá đầy đủ và chặt chẽ các thủ tục cùng các chính sách mà công ty ABC đã đặt ra về kiểm soát nội bộ. Vì vậy, mức rủi ro kiểm soát không cần đánh giá lại (CR=60%).

Mức rủi ro phát hiện (DR) có thể chấp nhận được là 11.91 %.

Như vậy, mức rủi ro phát hiện đã được KTV đánh giá xong, công việc tiếp theo KTV cần làm là xác định mức trọng yếu của BCTC.

2.4.1.6 Xác định mức trọng yếu trong kế hoạch

Xác định mức trọng yếu của báo cáo tài chính

Theo quy định của VACPA, xác định mức trọng yếu tổng thể thường được xác định theo ba cách khác nhau. Tức là bằng một tỷ lệ % trên tổng doanh thu hoặc tổng tài sản hay lợi nhuận trước thuế, như vậy ta có công thức chung như sau:

$$\text{Mức trọng yếu tổng thể} = \text{Tiêu chí} * \text{Tỷ lệ \%}$$

Trong đó: Tỷ lệ % tương ứng phụ thuộc vào tiêu chí đã lựa chọn được VACPA ban hành.

Đối với công ty ABC, kiểm toán viên đã chọn doanh thu là cơ sở tính mức trọng yếu của báo cáo tài chính. Vì doanh thu là khoản mục quan trọng trong Báo cáo KQHĐKD, phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm hiệu quả hay không?

Nguồn số liệu được dùng để xác định mức trọng yếu là BCTC trước kiểm toán. Căn cứ vào Báo cáo KQHĐKD và sổ cái doanh thu năm 2014, giá trị của doanh thu là **35,695,062,832**. Vì tiêu chí mà công ty lựa chọn là doanh thu nên tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu tổng thể là 0.5%.

$$\Rightarrow \text{Mức trọng yếu tổng thể} = \text{Doanh thu năm 2014} * 0.5\%$$

$$= 35,695,062,832 * 0.5\%$$

$$= 178,475,314 (\text{vnd})$$

Xác định mức trọng yếu của khoản mục doanh thu

Kiểm toán viên căn cứ vào mức trọng yếu trên tổng thể để tiếp tục xác định mức trọng yếu trên khoản mục doanh thu. Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu thực hiện tại công ty ABC là 50% (tỷ lệ này không cao cũng không quá thấp và thường được KTV lựa chọn để ước tính). Như vậy mức trọng yếu khoản mục doanh thu được xác định như sau:

$$\text{Mức trọng yếu thực hiện} = 50\% * \text{Mức trọng yếu tổng thể}$$

$$= 50\% * 178,475,314 = 89,237,657 (\text{vnd})$$

Tỷ lệ sử dụng để ước tính ngưỡng sai sót không đáng kể là 4% (ngưỡng cao nhất). Suy ra ngưỡng sai sót không đáng kể/ sai sót có thể bỏ qua bằng: $4\% * 89,237,657 = 3,569,506$.

Sau khi KTV tính toán xong mức trọng yếu tổng thể BCTC năm 2014, KTV sẽ tiến hành so sánh mức trọng yếu trong 2 năm tài chính là 2013 và 2014 để xem xét có biến động tăng hay giảm bất thường gì không và được trình bày ở bảng 2.6 So sánh mức trọng yếu giữa năm 2014 và năm 2013.

Bảng 2.5: So sánh mức trọng yếu giữa năm 2014 và năm 2013

DVT: VNĐ

Nội dung	Năm 2014	Năm 2013	Chênh lệch
Mức trọng yếu tổng thể	178,475,314	158,425,117	20,050,197
Mức trọng yếu thực hiện	89,237,657	79,212,558	10,025,099
Ngưỡng sai sót không đáng kể/sai sót có thể bỏ qua	3,569,506	3,168,502	401,004

Nguồn: Công ty Phương Nam

Căn cứ vào bảng 2.5, ta có thể thấy mức trọng yếu của năm nay so với năm trước không có sự chênh lệch lớn. Năm nay mức trọng yếu có cao hơn năm trước không nhiều vì do doanh thu năm nay tăng hơn năm trước một giá trị nhỏ.

⇒ Kết luận: Mức trọng yếu mà KTV chọn là hợp lý.

Như vậy, các công việc trong giai đoạn lập kế hoạch đều đã được KTV hoàn thành, bước cuối cùng trước khi KTV tiến hành thực hiện kiểm toán là phải tổng hợp lại kế hoạch. Điều này sẽ giúp cho KTV nắm rõ lại các thông tin về công ty khách hàng thêm một lần nữa.

2.4.1.7 Tổng hợp kế hoạch kiểm toán

Xác định mức trọng yếu xong, KTV sẽ tiến hành tổng hợp lại kế hoạch kiểm toán. Đây là bước cuối cùng trước khi tiến hành thực hiện cuộc kiểm toán tại công ty khách hàng ABC. Với các thông tin sơ bộ về công ty ABC đã thu thập được, KTV sẽ tiến hành tổng hợp cũng như đánh giá lại các rủi ro và mức trọng yếu.

- *Phạm vi công việc kiểm toán từ hợp đồng kiểm toán và thư hẹn kiểm toán và các yêu cầu của khách hàng:*

-Phạm vi kiểm toán: Kiểm toán BCTC năm 2014

-Kỳ kế toán được yêu cầu kiểm toán: 01/01/2014 đến 31/12/2014

-Kiểm toán tại KH: Từ ngày 04/01/2014 đến 10/1/2014

-Thời hạn hoàn thành việc soát xét hồ sơ kiểm toán: Trước ngày 20/02/2015

-Thời hạn phát hành BC kiểm toán/Thư quản lý: Trước ngày 25/02/2015

- *Xác định các vùng kiểm toán có rủi ro cao và các vấn đề cần tìm hiểu trong quá trình kiểm toán:*

Không có

- *Sau khi thực hiện xong các thủ tục trên, KTV sẽ xác định chiến lược kiểm toán ban đầu là kiểm tra hệ thống KSNB hay kiểm tra cơ bản*

Dựa trên việc đánh giá về thiết kế, hoạt động của HTKSNB và mức trọng yếu tổng thể và thực hiện đã xác định, KTV lập chiến lược kiểm toán ban đầu là kiểm tra HTKSNB. Nếu sau khi kiểm tra HTKSNB của công ty được thiết kế và hoạt động hữu hiệu thì sẽ kiểm tra cơ bản ở mức độ thấp hoặc trung bình và ngược lại.

Tóm lại, ở giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, chúng tôi hoàn toàn hài lòng rằng hợp đồng kiểm toán này đã được lập kế hoạch một cách thích hợp, qua đó đã đưa ra những xem xét đầy đủ đối với các đánh giá của chúng tôi về tầm quan trọng của những yếu tố rủi ro đã được xác định, bao gồm cả yếu tố rủi ro gian lận, và qua đó phê duyệt cho tiến hành công việc tại KH, như đã được lập kế hoạch.

Lập kế hoạch là một trong những bước quan trọng của cuộc kiểm toán. Tuy nhiên, thực hiện kiểm toán lại là bước quan trọng nhất và nó sẽ được thực hiện ngay sau khi KTV đã tổng hợp xong kế hoạch kiểm toán.

2.4.2 Thực hiện kiểm toán

Trong giai đoạn thực hiện kiểm toán, KTV phải thực hiện hai công việc chính là kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện các thử nghiệm cơ bản bao gồm thủ tục phân tích và thử nghiệm chi tiết.

Việc thực hiện hai công việc chính này sẽ giúp KTV thu thập các bằng chứng nhằm đưa ra ý kiến đánh giá cho BCTC tại công ty ABC.

2.4.2.1 Kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ

Kiểm soát nội bộ và công việc thực hiện kiểm toán có mối liên quan khá chặt chẽ với nhau. Nếu sau khi KTV tiến hành kiểm tra và đánh giá HTKSNB tại công ty tốt, hữu hiệu thì KTV có thể giữ nguyên các thử nghiệm kiểm toán như kế hoạch. Ngược lại, nếu KTV đánh giá HTKSNB của công ty kém hữu hiệu thì sẽ mở rộng các thử nghiệm kiểm toán tương ứng.

Vì đây là bài khóa luận nghiên cứu về quy trình kiểm toán doanh thu nên nội dung tìm hiểu về HTKSNB cũng được tập trung đi sâu vào khoản mục doanh thu, các vấn đề khác chỉ mang tính chất giới thiệu.

Để tìm hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán viên sẽ dựa vào việc phỏng vấn, quan sát và sử dụng bảng câu hỏi về kiểm soát nội bộ. Việc đánh giá này dựa vào 4 mục tiêu kiểm soát sau:

-*Tính có thật*: Doanh thu, phải thu ghi nhận trên sổ phải có thật.

-*Tính đầy đủ*: Doanh thu, các khoản phải thu và đã thu tiền được ghi nhận đầy đủ.

-*Tính chính xác*: Doanh thu, các khoản phải thu và đã thu tiền được ghi nhận chính xác, đúng đối tượng.

-*Tính đánh giá*: Các khoản phải thu KH được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi được.

Với mỗi một mục tiêu, kiểm toán viên sẽ đưa ra các câu hỏi cũng như tiến hành phỏng vấn tìm câu trả lời và được trình bày ở bảng 2.7: Đánh giá tính hoạt động hữu hiệu của các thủ tục KSNB.

Bảng 2.6: Đánh giá tính hoạt động hữu hiệu của các thủ tục KSNB

Mục tiêu kiểm soát	Kiểm soát chính	Tần suất	Thủ tục kiểm tra KSNB
Tính có thật	-Hóa đơn bán hàng chỉ được lập khi Đơn hàng và Lệnh xuất kho đã được phê duyệt. -Đối chiếu Phiếu xuất kho với hóa đơn để đảm bảo rằng một khoản doanh thu không bị xuất hóa đơn và ghi sổ kế toán nhiều lần.	Mỗi giao dịch	Chọn mẫu ngẫu nhiên 100 hóa đơn trong năm. Đối chiếu Đơn đặt hàng, Lệnh xuất kho, Phiếu xuất kho.
Tính đầy đủ	Chứng từ vận chuyển, Đơn đặt hàng, Phiếu xuất hàng phải được đánh số thứ tự để kiểm soát, so sánh với hóa đơn về số lượng xuất, thời gian xuất.	Mỗi giao dịch	Chọn 6 tháng ngẫu nhiên trong năm để mượn Chứng từ vận chuyển, Đơn đặt hàng, phiếu xuất hàng. Kiểm tra việc đánh STT có liên tục không.
	Định kỳ phải tiến hành đối chiếu công nợ với KH. Các chênh lệch phải được điều tra, xử lý.	Hàng quý	Chọn 3 quý bất kỳ trong năm để mượn Biên bản đối chiếu công

Mục tiêu kiểm soát	Kiểm soát chính	Tần suất	Thủ tục kiểm tra KSNB
			nợ với KH. Đối chiếu số liệu với sổ kế toán. Xem xét việc xử lý các chênh lệch (nếu có).
Tính chính xác	Giá bán trên hóa đơn được người có thẩm quyền kiểm tra, đối chiếu với Bảng giá và được cộng lại trước khi chuyển cho KH.	Các hóa đơn có giá trị TB và lớn	Căn cứ các hóa đơn đã chọn ở trên, kiểm tra, đối chiếu giá bán với Bảng giá áp dụng tại thời điểm đó. Xem xét sự phê duyệt nếu có thay đổi giá bán.
Tính đánh giá	Người có thẩm quyền có đánh giá khả năng thanh toán của KH trước khi bán chịu	Mỗi giao dịch	Chọn 120 khách hàng có số dư nợ lớn. Kiểm tra hồ sơ đánh giá năng lực khách hàng và sự phê duyệt bán chịu.

Kết quả của cuộc điều tra và khảo sát cho thấy, tại công ty ABC có hệ thống kiểm soát nội bộ khá hữu hiệu. Các thủ tục kiểm soát chính đều được thực hiện trên từng nghiệp vụ và hàng quý.

Nhưng để đảm bảo độ tin cậy và chính xác của kết quả trên, KTV sẽ thực hiện tiếp các thủ tục kiểm tra KSNB như ở bảng 2.6 trên. Và sau khi thực hiện, kiểm toán viên nhận định hệ thống kiểm soát nội bộ tại công ty hoạt động hữu hiệu và hiệu quả. Cho nên việc thực hiện các thử nghiệm cơ bản sẽ được giữ nguyên theo kế hoạch dự tính.

Tuy nhiên, vì nhiều lý do như hạn chế về thời gian, số lượng KTV mà việc đánh giá HTKSNB hầu như ít được thực hiện tại các cuộc kiểm toán, mặc dù công ty Phương Nam có xây dựng quy trình cũng như các thủ tục để thực hiện việc đánh giá.

Tiếp đến, KTV sẽ thực hiện công việc thứ hai trong giai đoạn thực hiện kiểm toán là thực hiện các thử nghiệm cơ bản.

2.4.2.2 Thực hiện thử nghiệm cơ bản

Thử nghiệm cơ bản được thực hiện theo 2 bước chính. Đầu tiên, KTV sẽ thực hiện các thủ tục phân tích để có cái nhìn tổng quan ban đầu về BCTC tại công ty ABC. Sau đó, KTV sẽ đi vào các thử nghiệm chi tiết để kiểm tra kỹ hơn về khoản mục doanh thu.

Thủ tục phân tích

Thực hiện thủ tục phân tích nhằm để kiểm tra tính hợp lý chung của khoản mục doanh thu trên Báo cáo tài chính. Từ đó, kiểm toán viên có sự hiểu biết tổng quát về khoản mục được kiểm toán trong kỳ, nhằm đánh giá những biến động tăng hoặc giảm đột xuất để có thể xác định những rủi ro có thể xảy ra và áp dụng các thủ tục kiểm toán phù hợp.

Kiểm toán viên sẽ lấy số liệu từ sổ chi tiết tài khoản doanh thu, sau đó lập bảng phân tích doanh thu theo từng tháng, xem xét và phân tích các trường hợp tăng hay giảm doanh thu bất thường nhằm đánh giá tính hợp lý của khoản mục và tìm hiểu nguyên nhân. Bảng 2.7 dưới đây sẽ cho chúng ta thấy điều này:

Bảng 2.7: Phân tích doanh thu theo từng tháng

Đơn vị tính: VNĐ

Tháng	Doanh thu
1	3,781,403,781
2	2,238,883,323
3	1,684,161,292
4	1,988,050,319
5	1,837,340,810
6	2,333,104,972
7	2,398,016,965
8	2,528,290,474
9	3,634,597,429
10	4,049,637,757
11	3,620,067,861
12	5,601,507,849

Căn cứ vào bảng 2.7, chúng ta có thể thấy doanh thu năm 2014 tại công ty ABC qua các tháng không có biến động gì bất thường. Tháng có doanh thu đạt thấp nhất là tháng 3 với 1,684,161,292 và cao nhất ở tháng 12 (5,601,507,849). Lý do tháng 12 có doanh thu cao như vậy là vì cuối năm, nên nhu cầu mua sắm của khách hàng cao hơn hẳn các tháng khác. Vì vậy, doanh thu tháng 12 tăng vượt bậc các tháng khác là bình thường. Các tháng còn lại, doanh thu dao động từ khoảng 2 đến 4 tỷ. Điều này cho thấy dấu hiệu tốt trong kinh doanh tại công ty ABC.

Kế tiếp, kiểm toán viên sẽ lập bảng so sánh doanh thu kỳ này với kỳ trước để tìm các biến động bất thường (nếu có), giải thích nguyên nhân và những ảnh hưởng của chúng.

Bảng 2.8: Bảng so sánh doanh thu theo kỳ kế toán

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	NĂM 2014	NĂM 2013	Cuối năm so với đầu năm	
			+ /-	%
<i>a. Tổng doanh thu</i>	35,695,062,832	32,688,481,250	3,006,581,582	9.20
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	34,398,338,575	31,685,023,400	2,713,315,175	8.56
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nội bộ	1,296,724,257	1,003,457,850	293,266,407	29.23
<i>b. Các khoản giảm trừ doanh thu:</i>	357,300,704	200,456,708	156,843,996	78.24
- Giảm giá hàng bán			-	
- Hàng bán được trả lại	357,300,704	200,456,708	156,843,996	78.24
- Chiết khấu bán hàng	-	-	-	
<i>c. Doanh thu thuần</i>	35,337,762,128	32,488,024,542	2,849,737,586	8.77

Nhìn vào bảng 2.8 có thể thấy, hầu như tất cả các tài khoản năm 2014 đều tăng so với năm 2013. Trong đó tổng doanh thu năm 2014 tăng 3,006,581,582 tương ứng 9% so với năm 2013. Mặc dù hàng bán bị trả lại cũng tăng hơn năm trước, nhưng cuối cùng doanh thu thuần vẫn tăng 2,849,737,586, tương ứng 8.77%. Điều đó cho chúng ta biết doanh nghiệp trong năm 2014 kinh doanh có sự phát triển hơn.

Dưới đây là bảng 2.9 phân tích cơ bản và tỷ lệ lãi gộp của những mặt hàng, loại hình dịch vụ chủ yếu và so sánh với năm trước. Phát hiện và giải thích các thay đổi quan trọng.

Bảng 2.9: Phân tích cơ bản

Đơn vị tính: VNĐ

Khoản mục	Năm 2013	Năm 2014	Tuyệt đối	Tương đối
Doanh thu bán hàng dịch vụ	32,688,481,250	35,695,062,832	3,006,581,582	9.20
- DT bán hàng	31,685,023,400	34,398,338,575	2,713,315,175	8.56
- DT cung cấp dịch vụ	1,003,457,850	1,296,724,257	293,266,407	29.23
Hàng bán bị trả lại	200,456,708	357,300,704	156,843,996	78.24
Giá vốn hàng bán	20,457,987,120	22,002,679,332	1,544,692,212	7.55
Lợi nhuận gộp	12,030,037,422	13,335,082,796	1,305,045,374	10.85
Doanh thu hoạt động tài chính	160,458,708	169,058,157	8,599,449	5.36
Chi phí tài chính	60,457,125	78,723,075	18,265,950	30.21
Chi phí bán hàng	3,906,478,234	4,103,395,435	196,917,201	5.04
Chi phí QLDN	3,145,387,120	3,814,258,403	668,871,283	21.27
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	5,078,173,651	5,507,764,040	429,590,389	8.46
Thu nhập khác	-	562,663	562,663	
Chi phí khác	-	2,069,836	2,069,836	
Lợi nhuận khác	-	(1,507,173)	(1,507,173)	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5,078,173,651	5,506,256,867	428,083,216	8.43
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,032,712,104	1,148,462,047	115,749,943	11.21
Lợi nhuận sau thuế	4,040,994,747	4,357,794,820	311,056,073	7.7
Các tỷ số tài chính	2013	2014		
Tỷ lệ lãi gộp = Lãi gộp/Doanh thu	36.80%	37.36%		
Tỷ lệ GVHB/Doanh thu	62.20%	61.03%		
Tỷ lệ lãi thuần = Lãi thuần/Doanh thu	15.54%	15.43%		
Tỷ lệ CPBH/Doanh thu	11.95%	11.50%		
Tỷ lệ CPQL/Doanh thu	9.62%	10.69%		
Tỷ suất lợi nhuận = LN sau thuế/DT	15.54%	12.21%		

Bảng 2.9 cho ta phân tích rõ hơn và chi tiết hơn cho bảng 2.9, ta có thể dễ dàng thấy được sự tăng trưởng trong kinh doanh tại công ty. Lợi nhuận trước thuế năm 2014 tăng 428,083,216(chiếm 8.43%) kéo theo lợi nhuận sau thuế năm 2014 cũng tăng 311,056,073 (chiếm 7.7%) so với 2013. Giá vốn hàng bán năm 2014 tăng 1,544,692,212 (chiếm 7.55%). Tuy nhiên, do doanh thu năm nay cũng tăng khá cao 3,006,581,582 (chiếm 9.20%) nên lợi nhuận gộp vẫn tăng so với năm trước 1,305,045,374 (chiếm 10.85%).

Đối chiếu doanh thu trong sổ kế toán với doanh thu theo tờ khai thuế GTGT trong năm. Giải thích chênh lệch (nếu có).

Bảng 2.10: Đối chiếu doanh thu theo tờ khai thuế GTGT

Đơn vị tính: VNĐ

Tháng	Doanh thu xuất khẩu		
	Sổ sách	Tờ khai	Chênh lệch
1	3,781,403,781	3,781,403,781	-
2	2,238,883,323	2,238,883,323	-
3	1,684,161,292	1,684,161,292	-
4	1,988,050,319	1,988,050,319	-
5	1,837,340,810	1,837,340,810	-
6	2,333,104,972	2,333,104,972	-
7	2,398,016,965	2,398,016,965	-
8	2,528,290,474	2,528,290,474	-
9	3,634,597,429	3,634,597,429	-
10	4,049,637,757	4,049,637,757	-
11	3,620,067,861	3,620,067,861	-
12	5,601,507,849	5,601,507,849	-
	35,695,062,832	35,695,062,832	-

Qua bảng Bảng 2.10: Đối chiếu doanh thu theo tờ khai VAT, KTV nhận thấy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không chênh lệch và hoàn toàn khớp với nhau, giữa tờ khai thuế GTGT và sổ sách tại đơn vị.

Thử nghiệm chi tiết

Dựa vào kết quả của thủ tục phân tích trên, KTV tiến hành các thử nghiệm chi tiết để có thể kiểm tra kỹ hơn về khoản mục doanh thu.

▪ **Kiểm tra sự có thực của khoản mục doanh thu đã được ghi chép.**

Thử nghiệm nhằm để phát hiện các nghiệp vụ bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ không xảy ra nhưng lại được ghi trên sổ nhật ký chung. Vì điều này sẽ gây ảnh hưởng lớn đến độ tin cậy của BCTC, bởi doanh thu được ghi nhận có thể tăng cao hơn so với thực tế phát sinh dẫn đến làm tăng lợi nhuận kinh doanh gây ảnh hưởng xấu đến các nhà đầu tư.

Để phát hiện được sai phạm trên có xảy ra hay không, KTV sẽ đối chiếu các khoản doanh thu bán hàng được ghi chép trên nhật ký chung với các chứng từ gốc liên quan như đơn đặt hàng, lệnh bán hàng, hoặc phiếu xuất kho, vận đơn, hóa đơn.

Tiếp đó, KTV sẽ lấy mẫu ngẫu nhiên khoảng 100 nghiệp vụ bán hàng có giá trị khoảng từ 30 triệu trở lên và xem xét quá trình thu tiền đối với các khoản đã thanh toán, đó chính là bằng chứng cho biết nghiệp vụ bán hàng đã thực sự xảy ra.

Ngoài ra, kiểm toán viên cần tìm hiểu về việc ghi nhận doanh thu xem có phù hợp với các điều kiện đã quy định ghi nhận doanh thu trong chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành hay không?

Dưới đây là bảng 2.11 danh sách đối chiếu chứng từ mà KTV đã thực hiện:

Bảng 2.11: Danh sách đối chiếu chứng từ

Đơn vị tính: VND

Stt	Ngày c.từ	Số c.từ	Mã khách	Tên khách hàng	Diễn giải	Tài khoản	Ps nợ	Ps có
1	02/01/2014	0000286	KH11_0091	Công Ty TNHH TM & TTNT A Việt Mỹ	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	102,880,672
2	02/01/2014	0000287	KH11_0057	CÔNG TY TNHH TTNT NGHỆ THUẬT VIỆT	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	81,713,750
3	04/01/2014	0000289	KH11_0028	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MỘC TIẾN	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	29,818,172

4	27/01/2014	0000521	KH11_0012	Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch vụ Mộc Miên	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	29,430,890
5	31/01/2014				Hàng bán bị trả lại - Sales returns(531)	51111	64,084,012	0
6	31/01/2014				Kết chuyển doanh thu / Sales	51111	3,717,319,769	0
7	06/02/2014	0000681	KH11_0026	Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Văn Chương	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	200,909,150
8	07/02/2014	0000720	KH11_0055	CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT HOÀN MỸ	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	60,622,526
9	07/02/2014	0000725	KH11_0002	CÔNG TY CỔ PHẦN LINH LAM ĐẠI	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	25,155,009
10	08/02/2014	0000743	KH11_0005	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG TRÍ MỀM	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	188,899,268
11	08/02/2014	0000744	KH11_0019	CÔNG TY TNHH MTV TM & DV PHÚC VIỆT DECOR	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	214,384,368
12	06/03/2014	0000819	KH11_0005	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG TRÍ MỀM	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	99,823,080
13	10/03/2014	0000832	KH11_0032	Công Ty TNHH Trang Trí Nhà Minh Tân	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	22,797,000
14	10/03/2014	0000833	KH11_0091	Công Ty TNHH TM & TTNT A Việt Mỹ	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	25,600,000
15	11/03/2014	0000847	KH21_0005	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ MY	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	23,558,888
16	18/03/2014	0000869	KH11_0087	CÔNG TY TNHH FALCON VIỆT NAM (ĐẠI AN)	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	137,145,995
17	20/03/2014	0000873	KH11_0129	Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bách Thắng	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	89,181,838
18	24/03/2014	0000886	KH11_0020	CÔNG TY TNHH MTV TMDV KHỎI MỸ	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	230,727,600
19	25/03/2014	0000910	KH31_0010	Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Thu Tâm	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	121,591,055

20	10/04/2014	0000951	KH11_0087	CÔNG TY TNHH FALCON VIỆT NAM (ĐẠI AN)	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	162,493,256
21	15/04/2014	0000965	KH11_0087	CÔNG TY TNHH FALCON VIỆT NAM (ĐẠI AN)	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	144,270,750
22	22/04/2014	0001016	KH11_0020	CÔNG TY TNHH MTV TMDV KHỎI MY	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	112,145,520
23	28/04/2014	0001051	KH21_0007	CÔNG TY TNHH DECORA VIỆT NAM	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	81,960,690
24	17/05/2014	0001129	KH11_0020	CÔNG TY TNHH MTV TMDV KHỎI MY	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	60,454,573
25	23/05/2014	0001166	KH31_0019	Công Ty TNHH MTV Tư Vấn Thiết Kế & Xây Dựng Đường Vàng Sơn	Vải các loại xuất bán theo hóa đơn số 0001166 ngày 23/05/2014	51111	0	126,179,096
26	27/05/2014	0001176	KH11_0087	CÔNG TY TNHH FALCON VIỆT NAM (ĐẠI AN)	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	28,669,104
27	12/06/2014	0001266	KH11_0026	Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Văn Chương	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	154,545,500
28	18/06/2014	0001288	KH11_0010	CÔNG TY TNHH DECO	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	119,846,493
29	08/08/2014	0001610	KH11_0046	CÔNG TY TNHH TM DV CHIẾC HỘP NGHỆ THUẬT	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	117,600,000
30	14/08/2014	0001625	KH11_0005	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG TRÍ MỀM	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	100,563,628
31	15/08/2014	0001636	KH11_0074	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Kazena	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	140,980,000
32	16/09/2014	0001823	KH11_0066	Công Ty TNHH Trần Dương	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	187,510,935
33	30/09/2014	0001915	KH11_0046	CÔNG TY TNHH TM DV CHIẾC HỘP NGHỆ THUẬT	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	206,241,945
34	30/09/2014	0001916	KH11_0046	CÔNG TY TNHH TM DV CHIẾC HỘP NGHỆ THUẬT	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	186,960,417

35	08/10/2014	0001958	KH31_0010	Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Thu Tâm	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	211,450,993
36	09/10/2014	0001959	KH11_0005	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG TRÍ MỀM	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	65,577,200
37	06/11/2014	0000174	KH11_0087	CÔNG TY TNHH FALCON VIỆT NAM (ĐẠI AN)	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	257,106,082
38	17/11/2014	0000260	KH11_0009	CÔNG TY TNHH CON CÔNG	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	121,838,124
39	01/12/2014	0000405	KH11_0115	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HHLDECOR	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	363,515,648

Căn cứ vào bảng 2.11: Danh sách đối chiếu chứng từ, sau khi kiểm toán viên tiến hành kiểm tra, đối chiếu các nghiệp vụ với chứng từ gốc thì nhận thấy các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều có thực, phản ánh chính xác với thực tế.

▪ **Kiểm tra sự ghi chép đầy đủ về các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

Thủ tục này nhằm giúp KTV phát hiện các nghiệp vụ bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ đã xảy ra nhưng không được ghi trên sổ kế toán. Bởi nếu điều đó xảy ra sẽ làm ảnh hưởng lớn đến BCTC. Cụ thể, doanh thu trong kỳ giảm kéo theo lợi nhuận trước thuế giảm dẫn đến việc không nộp thuế hoặc nộp thấp hơn thực tế của thuế TNDN.

Kiểm toán viên sẽ xuất phát từ các chứng từ gốc để kiểm tra việc ghi chép các nghiệp vụ trên nhật ký chung. Còn việc lựa chọn loại chứng từ gốc nào thì cần dựa trên đặc điểm kiểm soát nội bộ của đơn vị trong nghiệp vụ bán hàng như hóa đơn, vận đơn, thẻ kho, sổ theo dõi xuất hàng ở bộ phận bảo vệ...

Ở đây, kiểm toán viên sẽ chọn mẫu 150 hóa đơn ngẫu nhiên cùng vận đơn nếu có để thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu.

Sau khi kiểm toán viên kiểm tra, đối chiếu ngược từ chứng từ gốc với các nghiệp vụ được ghi chép trên sổ nhật ký chung thì nhận thấy các chứng từ gốc đều được ghi nhận và phản ánh đầy đủ trên sổ nhật ký chung.

▪ **Kiểm tra sự chính xác của số tiền ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

Việc kiểm tra này là nhằm bảo đảm các nghiệp vụ ghi nhận doanh thu được tính đúng giá. Vì có nhiều lý dẫn đến việc giá cả hàng hóa không được tính chính xác như: không cẩn thận nên sai sót, cố ý gian lận, thực hiện tính toán sai hoặc nhầm lẫn... Điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến BCTC, vì giá trị tài khoản doanh thu có thể tăng lên hoặc giảm xuống so với thực tế phát sinh.

Để phát hiện ra sai sót, kiểm toán viên sẽ chọn mẫu ngẫu nhiên 170 nghiệp vụ bán hàng từ sổ kế toán để đối chiếu và so sánh với vận đơn, đơn đặt hàng, lệnh bán hàng ... để xác định về chủng loại và số lượng hàng hóa tiêu thụ. Đối chiếu với bảng giá, các bảng xét duyệt giá, hóa đơn ... để xác định giá của hàng hóa tiêu thụ. Rà soát lại các khoản chiết khấu, giảm giá để xem có phù hợp với chính sách bán hàng của đơn vị hay không?

Đồng thời cũng kiểm tra việc tính toán trên hóa đơn. Đối với các trường hợp bán hàng bằng ngoại tệ, kiểm toán viên cần kiểm tra việc quy đổi về tiền Việt Nam.

Bảng 2.12: Danh sách nghiệp vụ được kiểm tra, đối chiếu

Đơn vị tính: VND

Ngày c.từ	Số c.từ	Mã khách	Tên khách hàng		Tài khoản	Ps nợ	Ps có	Ghi chú
02/01/2014	0000286	KH11_0091	Công Ty TNHH TM & TTNT A Việt Mỹ	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	11,180,005	v
02/01/2014	0000287	KH11_0057	CÔNG TY TNHH TTNT NGHỆ THUẬT VIỆT	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	81,713,750	v
06/02/2014	0000681	KH11_0026	Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Văn Chương	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	200,909,150	v
07/02/2014	0000720	KH11_0055	CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT HOÀN MỸ	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	60,622,526	v
07/02/2014	0000725	KH11_0002	CÔNG TY CỔ PHẦN LINH LAM ĐẠI	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	25,155,009	v
08/02/2014	0000743	KH11_0005	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG TRÍ MỀM	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	188,899,268	v
08/02/2014	0000744	KH11_0019	CÔNG TY TNHH MTV TM & DV PHÚC VIỆT DECOR	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	12,858,176	v

06/03/2014	0000819	KH11_0005	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG TRÍ MỀM	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	99,823,080	v
10/03/2014	0000832	KH11_0032	Công Ty TNHH Trang Trí Nhà Minh Tân	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	22,797,000	v
18/03/2014	0000869	KH11_0087	CÔNG TY TNHH FALCON VIỆT NAM (ĐẠI AN)	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	137,145,995	v
20/03/2014	0000873	KH11_0129	Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bách Thắng	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	89,181,838	v
24/03/2014	0000886	KH11_0020	CÔNG TY TNHH MTV TMDV KHỞI MỸ	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	230,727,600	v
25/03/2014	0000910	KH31_0010	Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Thu Tâm	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	121,591,055	v
10/04/2014	0000951	KH11_0087	CÔNG TY TNHH FALCON VIỆT NAM (ĐẠI AN)	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	162,493,256	v
15/04/2014	0000965	KH11_0087	CÔNG TY TNHH FALCON VIỆT NAM (ĐẠI AN)	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	144,270,750	v
22/04/2014	0001016	KH11_0020	CÔNG TY TNHH MTV TMDV KHỞI MỸ	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	112,145,520	v
28/04/2014	0001051	KH21_0007	CÔNG TY TNHH DECORA VIỆT NAM	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	81,960,690	v
17/05/2014	0001129	KH11_0020	CÔNG TY TNHH MTV TMDV KHỞI MỸ	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	60,454,573	v
23/05/2014	0001166	KH31_0019	Công Ty TNHH MTV Tư Vấn Thiết Kế & Xây Dựng Đường Vàng Sơn	Vải các loại xuất bán theo hóa đơn số 0001166 ngày 23/05/2014	51111	0	126,179,096	v
27/05/2014	0001176	KH11_0087	CÔNG TY TNHH FALCON VIỆT NAM (ĐẠI AN)	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	28,669,104	v
12/06/2014	0001266	KH11_0026	Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Văn Chương	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	154,545,500	v
18/06/2014	0001288	KH11_0010	CÔNG TY TNHH DECO	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	119,846,493	v
08/08/2014	0001610	KH11_0046	CÔNG TY TNHH TM DV CHIẾC HỘP NGHỆ THUẬT	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	117,600,000	v
14/08/2014	0001625	KH11_0005	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG TRÍ MỀM	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	100,563,628	v
15/08/2014	0001636	KH11_0074	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Kazena	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	140,980,000	v

16/09/2014	0001823	KH11_0066	Công Ty TNHH Trần Dương	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	187,510,935	v
30/09/2014	0001915	KH11_0046	CÔNG TY TNHH TM DV CHIẾC HỘP NGHỆ THUẬT	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	206,241,945	v
30/09/2014	0001916	KH11_0046	CÔNG TY TNHH TM DV CHIẾC HỘP NGHỆ THUẬT	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	186,960,417	v
08/10/2014	0001958	KH31_0010	Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Thu Tâm	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	211,450,993	v
09/10/2014	0001959	KH11_0005	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG TRÍ MỀM	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	65,577,200	v
06/11/2014	0000174	KH11_0087	CÔNG TY TNHH FALCON VIỆT NAM (ĐẠI AN)	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	257,106,082	v
17/11/2014	0000260	KH11_0009	CÔNG TY TNHH CON CÔNG	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	121,838,124	v
01/12/2014	0000405	KH11_0115	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HHLDECOR	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	363,515,648	v
02/12/2014	0000411	KH11_0081	Công Ty TNHH MTV Màn Cửa Duy Anh	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	102,880,672	v
03/12/2014	0000413	KH21_0038	Công Ty Cổ Phần Thiết Kế Kiến Trúc Kỹ Thuật Cao	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	0	214,384,368	v

Từ các nghiệp vụ đã được chọn ở bảng 2.12, kiểm toán viên tiến hành kiểm tra, so sánh và đối chiếu các chứng từ có liên quan như vận đơn, đơn đặt hàng, lệnh bán hàng, bảng giá, hóa đơn thì đều phù hợp và chính xác. Kiểm toán viên cũng tiến hành tính toán lại trên hóa đơn bán hàng và không phát hiện ra sai sót nào.

▪ Kiểm tra việc phân loại doanh thu

Trong khoản mục doanh thu được chia thành nhiều loại doanh thu khác nhau và nếu kế toán không phân biệt rõ các loại doanh thu này sẽ dẫn đến việc ghi nhận sai gây ảnh hưởng đến BCTC. Vì vậy thử nghiệm này nhằm tránh những trường hợp không phân loại đúng doanh thu nên dẫn đến việc ghi chép, hay trình bày sai về tài khoản.

Kiểm toán viên cần phân biệt giữa:

+Doanh thu bán chịu và doanh thu thu tiền ngay.

+Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản doanh thu hoạt động tài chính

+Các loại doanh thu là đối tượng của các loại thuế khác nhau (Thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt ...), có thuế suất khác nhau, hoặc khác về cơ sở xác định doanh thu chịu thuế.

Sau khi KTV kiểm tra nhận thấy công ty ABC có theo dõi và phân biệt rõ ràng giữa các loại doanh thu: doanh thu bán hàng (51111); doanh thu nội bộ (5121); doanh thu hoạt động tài chính (5151); các khoản giảm trừ doanh thu (5311).

▪ **Kiểm tra việc khóa sổ đối với nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Thử nghiệm nhằm phát hiện các nghiệp vụ của niên độ này lại bị ghi sang niên độ sau và ngược lại. Vì nếu việc ghi chép các nghiệp vụ không đúng niên độ sẽ dẫn đến BCTC không được phản ánh chính xác, gây ra những sai lệch trong doanh thu và xác định lãi lỗ của công ty.

Kiểm toán viên sẽ lựa chọn một số nghiệp vụ ở sổ nhật ký chung xảy ra trước và sau thời điểm khóa sổ để kiểm tra chứng từ gốc, so sánh giữa ngày ghi trên vận đơn với hoá đơn, nhật ký bán hàng với các sổ chi tiết.

Ở đây, kiểm toán viên sẽ tiến hành chọn mẫu 6 nghiệp vụ bán hàng xảy ra trước và sau ngày khóa sổ (31/12/2014) 10 ngày để tiến hành kiểm tra và được trình bày ở bảng 2.13 bên dưới:

Bảng 2.13: Danh sách nghiệp vụ trước ngày khóa sổ (31/12/2014) 10 ngày

Đơn vị tính: VND

Ngày c.từ	Số c.từ	Mã khách	Tên khách hàng	Diễn giải	TK	Ps có
25/12/2014	0000604	KH11_0026	Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Văn Chương	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	132,198,221
26/12/2014	0000614	KH11_0066	Công Ty TNHH Trần Dương	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	88,171,005
29/12/2014	0000649	KH11_0035	Công Ty TNHH SX TM DV Vải Và Nội Thất An Phú Gia	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	72,398,704
30/12/2014	0000662	KH11_0005	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG TRÍ MỀM	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	62,727,200

30/12/2014	0000666	KH11_0031	CÔNG TY TNHH SX & TM MỸ LINH N.T	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	58,265,465
31/12/2014	0000675	KH21_0007	CÔNG TY TNHH DECORA VIỆT NAM	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	38,181,840

Bảng 2.14: Danh sách nghiệp vụ sau ngày khóa sổ (31/12/2014) 10 ngày

Đơn vị tính: VND

Ngày c.từ	Số c.từ	Mã khách	Tên khách hàng	Diễn giải	TK	Ps có
02/01/2015	0000287	KH11_0057	CÔNG TY TNHH TTNT NGHỆ THUẬT VIỆT	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	81,713,750
09/01/2015	0000306	KH11_0074	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Kazena	Vải các loại xuất bán theo hóa đơn số 0000306 ngày 09/01/2014 - Sales Fabric	51111	144,232,646
10/01/2015	0000320	KH21_0005	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ MY	Vải các loại xuất bán theo hóa đơn số 0000320 ngày 10/01/2014 - Sales Fabric	51111	137,653,735
11/01/2015	0000331	KH21_0012	Công ty TNHH Nội Thất Phúc Duy	Bán hàng/ Sales Fabric	51111	113,481,858
13/01/2015	0000336	KH21_0003	CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU HẠT DẼ	Vải các loại xuất bán theo hóa đơn số 0000336 ngày 13/01/2014 - Sales Fabric	51111	111,127,690
15/01/2015	0000375	KH21_0005	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀ MY	Vải các loại xuất bán theo hóa đơn số 0000375 ngày 15/01/2014	51111	106,845,331

Sau khi thu thập dữ liệu và thực hiện các thủ tục kiểm tra, KTV nhận thấy rằng các số liệu doanh thu là có thực, đúng kỳ và được trình bày hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán hiện hành.

▪ **Kiểm tra các khoản giảm trừ doanh thu**

KTV cũng lấy số liệu từ sổ chi tiết tài khoản 531 nhằm kiểm tra, tìm hiểu và đánh giá tính hợp lý, chính xác và đúng kỳ của các khoản giảm trừ doanh thu trong niên độ.

Tương tự như trên, KTV tiến hành chọn mẫu 6 nghiệp vụ từ sổ kế toán đối chiếu các chứng từ gốc và tính toán lại. Kiểm tra thời gian ghi nhận, tính đúng kỳ của nghiệp vụ. Và cuối cùng KTV sẽ kiểm tra tính tuân thủ các quy định hiện hành về kế toán, thuế của các nghiệp vụ giảm trừ doanh thu phát sinh trong niên độ và được thể hiện ở bảng 2.15.

Bảng 2.15: Danh sách nghiệp vụ các khoản giảm trừ doanh thu

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày c.từ	Số c.từ	Mã khách	Tên khách hàng	Diễn giải	TK	Ps nợ
16/01/2014	PN01_0002	KH11_0066	Công Ty TNHH Trần Dương	Xuất trả lại/ Return Fabric	5311	31,689,796
15/04/2014	PN04_0001	KH11_0126	Công Ty TNHH Nội Thất Gia Việt	Xuất trả lại/ Return Fabric Inv 0000373	5311	61,090,800
06/07/2014	PN07_0001	KH11_0055	CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT HOÀN MỸ	Xuất trả lại hóa đơn số 0000720 và 0000737/ Return Fabric Inv 0000720 & 0000737	5311	86,596,230
17/09/2014	PN09_0003	KH11_0118	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Avia	Xuất trả lại hóa đơn số 0000369 và 0000381 / Return Fabric Inv 0000369 và 0000381	5311	26,374,721
14/11/2014	PN11_0001	KH11_0106	Công Ty TNHH Trang Trí Nội Thất Ân Quang	Xuất trả lại hóa đơn số 0001498 / Return Fabric Inv 0001498	5311	10,115,792
15/11/2014	PN11_0002	KH11_0106	Công Ty TNHH Trang Trí Nội Thất Ân Quang	Xuất trả lại hóa đơn số 0001490 / Return Fabric Inv 0001490	5311	12,310,728

Sau khi KTV tiến hành kiểm tra, đối chiếu thì nhận thấy tài khoản 531 được công ty ABC ghi nhận đầy đủ, được phản ánh chính xác, hợp lý và đúng kỳ kế toán.

Thực hiện xong các thử nghiệm chi tiết cũng có nghĩa là giai đoạn thực hiện kiểm toán đã được hoàn thành. Lúc này, KTV sẽ tiến hành tổng hợp lại kết quả kiểm toán trước khi bước sang giai đoạn cuối cùng là phát hành Báo cáo kiểm toán.

2.5 Tổng hợp kết quả kiểm toán khoản mục doanh thu

Sau khi thực hiện các thủ tục chung, kiểm tra phân tích và đi vào kiểm tra chi tiết các tài khoản doanh thu. Kiểm toán viên nhận thấy khoản mục này đảm bảo rằng có thực, được

ghi nhận chính xác, đầy đủ, đúng kỳ và được trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Nên không có các bút toán điều chỉnh đối với khoản mục này. KTV đã lập bảng tổng hợp kết quả kiểm toán ở bảng 2.16 trước khi chuẩn bị bước sang giai đoạn hoàn thành cuộc kiểm toán.

Bảng 2.16: Bảng tổng hợp kết quả kiểm toán

Đơn vị tính: VNĐ

TK	Diễn giải	31/12/2014 Trước KT	Điều chỉnh		31/12/2014 Sau KT	31/12/2013 Sau KT	Biến động	
			Nợ	Có			Giá trị	Tỷ lệ
5111	Doanh thu bán hàng	34,398,338,575			34,398,338,575	31,685,023,400	2,713,315,175	9%
5112	Doanh thu bán các thành phẩm	-	-	-	-	-	-	
5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-	-	-	-	-	
511	Doanh thu	34,398,338,575	-	-	34,398,338,575	31,685,023,400	2,713,315,175	9%
5121	Doanh thu bán hàng	1,296,724,257			1,296,724,257	1,003,457,850	293,266,407	29%
5122	Doanh thu bán các thành phẩm	-	-	-	-	-	-	
5123	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-	-	-	-	-	
512	Doanh thu bán hàng nội bộ	1,296,724,257	-	-	1,296,724,257	1,003,457,850	293,266,407	29%
521	Chiết khấu thương mại	-	-	-	-	-	-	
	Cộng		-	-	-	-	-	
531	Hàng bán bị trả lại	357,300,704			357,300,704	200,456,708	156,843,996	78%
	Cộng	357,300,704	-	-	357,300,704	200,456,708	156,843,996	78%

Nhìn vào bảng 2.16: Phân tích biến động doanh thu, ta có thể thấy các số liệu liên quan đến khoản mục doanh thu đều đã được đối chiếu khớp với số liệu trên bảng CĐPS, sổ cái, BCKT năm trước cũng như chính xác trong việc tính toán và cộng số liệu. Như vậy, ở khoản mục doanh thu, KTV không thực hiện bút toán điều chỉnh nào.

Cuối cùng, KTV sẽ tiến hành tổng hợp lại các bằng chứng kiểm toán và đưa ra ý kiến

về BCTC trước khi phát hành Báo cáo kiểm toán chính thức.

2.6 Tổng hợp và phát hành báo cáo

Kết thúc quá trình kiểm toán, KTV chính sẽ tổng hợp các bằng chứng và các kết quả thu được để lập BCKT. KTV cũng tiến hành xem xét lại các khoản nợ tiềm tàng; các sự kiện xảy ra sau ngày khóa sổ, sự kiện nào cần điều chỉnh, sự kiện nào không?; xem xét về giả định hoạt động liên tục tại doanh nghiệp cũng như sự đầy đủ về bằng chứng kiểm toán. Sau khi hoàn thành các thủ tục kiểm toán này, tùy theo loại khách hàng mà trưởng nhóm (KTV chính) hoặc Ban giám đốc sẽ có buổi họp với KH ngay tại văn phòng KH để báo cáo kết quả kiểm toán và tiến hành lập báo cáo kiểm toán dự thảo. Trong buổi họp này, KH sẽ lắng nghe những đóng góp, đề xuất của Công ty kiểm toán.

BCKT sẽ được lập chính thức sau khi Công ty khách hàng đã xem qua bản dự thảo và cùng thống nhất ý kiến. Các vấn đề còn tồn tại của khách hàng sẽ được đưa vào thư quản lý gửi riêng cho Ban quản lý của công ty khách hàng để giúp họ hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và công tác tài chính kế toán của mình.

Tóm tắt chương 2

Trong quá trình kiểm toán, vấn đề chủ yếu là việc thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán, bởi vì sự xác đáng của báo cáo kiểm toán trước hết phụ thuộc vào những bằng chứng mà kiểm toán viên thu thập được và dùng làm cơ sở để đưa ra ý kiến của mình. Bên cạnh đó, việc lập kế hoạch kiểm toán cũng không kém phần quan trọng. KTV phải xác định được nội dung, phạm vi kiểm toán, phải phân bổ thời gian hợp lý, thực hiện các thủ tục thích hợp và hiệu quả. Bên cạnh những thông tin mà kiểm toán viên tìm hiểu và xác định thì còn phụ thuộc một phần vào sự xét đoán nghề nghiệp của KTV căn cứ vào mức trọng yếu được thiết lập và mức rủi ro được đánh giá. Trong công việc thực hiện kiểm toán này, KTV không những phải thận trọng để đảm bảo về khả năng phát hiện các sai sót trọng yếu mà còn phải đảm bảo về thời gian và chi phí để làm sao tối ưu hóa được tốt nhất mọi thứ. Vì vậy, ngoài kiến thức chuyên môn ngành nghề, KTV còn cần phải hiểu rõ kiến thức kinh doanh và hệ thống KSNB của khách hàng.

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ VỀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN DOANH THU

3.1 Nhận xét về quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu tại công ty Kiểm toán Phương Nam

Qua nhiều năm hoạt động, công ty Phương Nam đã luôn không ngừng hoàn thiện, chỉnh sửa và bổ sung để quy trình kiểm toán của công ty được hoàn thiện tốt nhất. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đạt được thì chắc chắn vẫn có những thiếu sót. Dưới đây sẽ trình bày các ưu điểm và nhược điểm còn tồn tại tại công ty Phương Nam.

3.1.1 Ưu điểm

Về tình hình chung của công ty:

Công ty TNHH Phương Nam có chất lượng kiểm toán tốt do phần lớn đội ngũ kiểm toán viên cũng như các trợ lý có nhiều kinh nghiệm trong công việc. Các nhân viên trong Công ty đều có tinh thần cầu tiến, năng động, hòa đồng khiến công việc đạt hiệu quả hơn.

Việc bố trí đội ngũ kiểm toán được thực hiện trong giai đoạn lập kế hoạch đảm bảo sự ổn định cho cuộc kiểm toán. Có quan hệ tốt với khách hàng nên thuận lợi trong việc đánh giá và kiểm toán khách hàng cho những năm kế tiếp.

Về quy trình kiểm toán doanh thu trong BCTC

Trong đoàn kiểm toán thường được bố trí từ 3-5 người tùy quy mô của doanh nghiệp khách hàng, tính chất của cuộc kiểm toán để việc sử dụng nhân viên cho phù hợp. Trong mỗi cuộc kiểm toán nếu là kiểm toán tại đơn vị là khách hàng cũ, sẽ có ít nhất là 1 thành viên trong đoàn đã từng tham gia kiểm toán năm trước đó, nhằm giúp nắm thông tin cũ về khách hàng.

Nếu là khách hàng mới thì trước khi tiến hành kiểm toán công ty thu thập tài liệu về khách hàng để tổng kết thành hồ sơ thường trực. Đây là hồ sơ về các vấn đề chung nhất của khách hàng làm tiền đề cho cuộc kiểm toán niên độ này.

Trước khi tiến hành cuộc kiểm toán, các thành viên trong đoàn luôn xem lại trước hồ sơ thường trực và cả hồ sơ làm việc năm trước của đơn vị nhằm nắm bắt thông tin, chú trọng

vào những điểm cần lưu ý từ năm trước để tiến hành kiểm toán có hiệu quả.

Trong giai đoạn thực hiện kiểm toán, bước đầu tiên là kiểm tra tổng hợp đối ứng nhằm đảm bảo ghi chép chính xác số liệu, sau đó mới tiến hành kiểm tra tiếp.

Quy trình kiểm toán tất cả các khoản mục được bố trí khoa học.

Việc thu thập các bằng chứng kiểm toán liên quan đến khoản mục luôn được KTV quan tâm và photo lại.

Hệ thống ký hiệu làm việc được xây dựng khoa học nhằm giúp dễ kiểm tra và đối chiếu.

Giai đoạn tổng hợp và lập báo cáo sẽ được tiến hành ngay sau khi trưởng nhóm tổng hợp giấy làm việc của thành phần trong đoàn và lập biên bản trao đổi hay thư quản lý. Tài liệu này sẽ giao cho KH và hai bên sẽ trao đổi các vấn đề trong biên bản. Cuộc họp này sẽ giúp công ty Phương Nam và khách hàng thống nhất ban đầu những điều cần điều chỉnh trong báo cáo.

KTV sẽ tiến hành lập danh mục bút toán điều chỉnh và không điều chỉnh để làm căn cứ cho việc xác định các sai phạm đối với các khoản mục trên BCTC và lập báo cáo kiểm toán sau này. Luôn có sự trao đổi giữa KTV với KH về những bút toán sai cần điều chỉnh để tạo ra sự thống nhất cao về quan điểm giữa hai bên.

Trước khi phát hành BCKT, được sự xét duyệt của ban kiểm soát và tổng giám đốc công ty, là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kiểm toán, do đó rủi ro cho sai sót của việc đưa ra ý kiến cho BCKT có thể hạn chế thấp nhất.

3.1.2 Nhược điểm

Về tình hình chung của công ty

Số lượng nhân viên trong công ty còn ít nên khối lượng công việc phải đảm nhiệm trong một cuộc kiểm toán là rất nhiều nên áp lực là rất lớn, dễ dẫn đến việc bỏ qua nhiều nghiệp vụ, kiểm tra không kỹ, đặc biệt vào mùa kiểm toán.

Về quy trình kiểm toán doanh thu trong BCTC

Trong giai đoạn lập kế hoạch, KTV thường không thu thập đủ các giấy tờ cần thiết theo quy định của chương trình kiểm toán mẫu.

Việc thực hiện các thủ tục phân tích BCTC ít được chú trọng. Như vậy sẽ ảnh hưởng đến việc xét đoán ban đầu của KTV và hạn chế việc khoanh vùng kiểm toán.

Việc chọn mẫu thường theo cảm tính và kinh nghiệm của KTV, không áp dụng các biện pháp tính toán một cách khách quan, khoa học. Mỗi phương pháp có ưu và nhược điểm riêng, tùy trường hợp cụ thể. Do đó, trong quá trình kiểm toán nên kết hợp cả hai phương pháp để đạt được tối ưu nhất.

Trong giai đoạn thực hiện kiểm toán, việc không đánh giá tính hoạt động hữu hiệu của các thủ tục kiểm soát nội bộ của khoản mục nên sẽ gây khó khăn trong việc tổng hợp kết quả, soát xét lại hồ sơ kiểm toán đặc biệt với khách hàng thường xuyên của công ty.

Do sự hạn chế về thời gian và chi phí kiểm toán nên trong quá trình thực hiện các kiểm tra, KTV thường không thực hiện hết các thử nghiệm theo chương trình kiểm toán mẫu mà chỉ áp dụng một cách có chọn lọc.

Các thủ tục phân tích cũng ít được chú trọng nên sẽ khó thấy được sự biến động của các khoản mục.

Trong giai đoạn tổng hợp và lập báo cáo, việc xem xét các sự kiện xảy ra sau ngày kết thúc niên độ chưa được xem trọng. Mặc dù những sự kiện này không ảnh hưởng trực tiếp đến báo cáo nhưng nó ảnh hưởng lớn đến doanh nghiệp nên cũng phải chú trọng.

3.2 Một số giải pháp về quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu tại công ty Phương Nam

Về tình hình chung của công ty

Công ty nên tuyển thêm nhân sự đồng thời mở nhiều khóa đào tạo hơn nữa để nâng cao năng lực chuyên môn nghề nghiệp cũng như sẽ được cập nhật đầy đủ những kiến thức mới của pháp luật.

Đầu tư mở rộng thị trường khách hàng, thị trường vốn và mở rộng quy mô công ty hơn

nữa, giảm bớt các KH nhỏ lẻ.

Về quy trình kiểm toán doanh thu trong BCTC

Tại Việt Nam hiện nay, có ngày càng nhiều Công ty mới xuất hiện, trong số đó có nhiều Công ty là các công ty con của các hàng kiểm toán lớn của nước ngoài. Do vậy, Công ty TNHH Kế toán – Kiểm toán Phương Nam cần phải ngày càng hoàn thiện hơn nữa quy trình kiểm toán của mình để có thể tồn tại trong quá trình cạnh tranh. Thêm vào đó, sự dần hoàn thiện hệ thống pháp lý về kế toán, kiểm toán, tài chính của nước ta đòi hỏi các Công ty cũng cần phải linh hoạt cập nhật và thay đổi cho phù hợp để đáp ứng được yêu cầu pháp luật. Đồng thời, trong quá trình kiểm toán, KTV nên linh hoạt và sáng tạo, tránh dập khuôn và máy móc.

Công ty nên chú trọng thực hiện thu thập đủ các giấy tờ cần thiết theo quy định của chương trình kiểm toán mẫu ở bước lập kế hoạch, các thủ tục phân tích cũng cần chú trọng và đi sâu tìm hiểu hơn. Việc chọn mẫu nên để các KTV có kinh nghiệm chuyên môn cao lựa chọn.

Nên có bước thực hiện các thủ tục kiểm soát nội bộ và đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm soát để có thể hiểu rõ hơn về HTKSNB. Từ đó kiểm toán viên sẽ thiết kế và thực hiện các thử nghiệm cơ bản ít hơn hoặc nhiều hơn tùy trường hợp.

Cuối cùng, công ty cũng nên chú trọng nhiều hơn vào các sự kiện xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tóm tắt chương 3

Kiểm toán khoản mục doanh thu là phần hành kiểm toán tương đối phức tạp và mất nhiều thời gian do đặc điểm của các khoản doanh thu có liên quan tới rất nhiều quy định quản lý của Nhà nước, việc hạch toán dễ xảy ra sai sót và gian lận có ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, đòi hỏi KTV phải thực hiện và tuân thủ chặt chẽ quy trình kiểm toán để đưa ra các kiến là xác thực và đúng thực tế. Nên trong thực tế, kiểm toán khoản mục doanh thu vẫn còn nhiều khó khăn và mất nhiều thời gian. Chính vì vậy cần sự hỗ trợ mạnh mẽ hơn nữa của Nhà nước cũng như các ngành liên quan để ngày càng hoàn thiện hơn

chương trình kiểm toán khoản mục doanh thu nói riêng và kiểm toán BCTC nói chung nhằm nâng cao hiệu quả của ngành kiểm toán.

KẾT LUẬN

Với sự phát triển của nền kinh tế, các dịch vụ Kiểm toán, đặc biệt là Kiểm toán Báo cáo tài chính được các doanh nghiệp, đơn vị Nhà nước và các tổ chức phi lợi nhuận sử dụng rộng rãi.

Mặc dù kiểm toán độc lập chỉ mới xuất hiện ở Việt Nam khoảng thời gian gần đây, nhưng ngành kiểm toán đòi hỏi các kiểm toán viên phải năng động, cập nhật thông tin thường xuyên, chịu được sức ép công việc cao, có tinh thần đạo đức tốt. Chính điều đó đã tạo ra bước tiến xa cho ngành kiểm toán nước nhà. Cho tới nay, các công ty kiểm toán đã quá quen thuộc với các doanh nghiệp. Các công ty kiểm toán đã tăng nhanh về số lượng và quy mô của mình, cung cấp nhiều dịch vụ cho khách hàng lựa chọn. Do vậy, muốn đứng vững trong môi trường cạnh tranh gay gắt này, Phương Nam phải không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cũng như uy tín với khách hàng.

Một yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng kiểm toán là hoàn thiện quy trình kiểm toán nói chung và kiểm toán doanh thu nói riêng. Công ty Phương Nam đã tiếp thu và hoàn thiện dần quy trình kiểm toán của mình qua mỗi năm. Tuy nhiên vẫn còn những hạn chế, công ty nên tiếp tục duy trì hoàn thiện và nâng cao chương trình kiểm toán khoản mục này.

Bên cạnh đó, do hạn chế khách quan về thời gian cùng với sự giới hạn về kiến thức cũng như kinh nghiệm thực tế, em không thể bao quát hết tất cả các vấn đề liên quan đến phạm vi đề tài, vì thế không thể tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong Quý thầy cô và các anh chị kiểm toán viên tại công ty có những hướng dẫn thêm để em có thể hoàn thiện tốt chuyên đề cũng như bổ sung vốn kiến thức về chuyên ngành kiểm toán. Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với các thầy cô Khoa Kế toán-Tài chính-Ngân hàng trường Đại học Công nghệ TP.HCM, cô Trịnh Ngọc Anh cùng các anh chị trong công ty VAC đã giúp em thực hiện tốt luận văn này.

Em xin chân thành cảm ơn!

PHỤ LỤC

Phụ lục A: Hợp đồng kiểm toán

Phụ lục B: Thư giải trình của BGĐ

Phụ lục C: Báo cáo của Hội đồng thành viên

Phụ lục D: Báo cáo kiểm toán

PHỤ LỤC A
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Số: /2010/ HĐKT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2014

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

(V/v: kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần ABC)
-Căn cứ Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
-Căn cứ Nghị định 105/2004/NĐ - CP ngày 31/03/2004 của Chính phủ về Kiểm toán độc lập và Nghị định 30/2009/NĐ-CP ngày 30/3/2009 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung Nghị định 105/2004/NĐ-CP;
-Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán. Hợp đồng này được lập bởi và giữa các Bên:
BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ABC (Dưới đây gọi tắt là Bên A)
Người đại diện: Trần Văn Nam
Chức vụ : Tổng Giám Đốc
Địa chỉ : 114 Trường Chinh, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
Điện thoại : 057.336.415
Mã số thuế : 0301540XXX
Tại Ngân hàng: Agribank

BÊN B: CÔNG TY TNHH KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN PHUONG NAM (Dưới đây gọi tắt là Bên B)
Người đại diện: Nguyễn Phùng Mai Lan
Chức vụ: Tổng giám đốc
Địa chỉ: 27 Nguyễn Kim, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Email : phuongnam@saac.com.vn
Mã số thuế : 293845XXX
Tại Ngân hàng: Viettinbank

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Các Báo cáo tài chính này được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

ĐIỀU 2: LUẬT ĐỊNH VÀ CHUẨN MỰC

Bên B sẽ thực hiện kiểm toán phù hợp với các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, Bên B sẽ lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán nhằm đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính của Bên A không còn sai sót trọng yếu do nhầm lẫn hoặc gian lận mà chưa được phát hiện. Tuy nhiên, do bản chất của gian lận, một cuộc kiểm toán được lập

kế hoạch và thực hiện một cách hợp lý vẫn có thể sẽ không phát hiện được các sai sót trọng yếu. Vì vậy, cuộc kiểm toán được thiết lập để đạt được sự đảm bảo hợp lý, nhưng không tuyệt đối rằng các báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán không nhằm phát hiện các sai sót và gian lận không mang tính trọng yếu đối với Báo cáo tài chính của Bên A. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các bằng chứng liên quan đến các số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính, đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính kế toán trọng yếu của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc tìm hiểu về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ để lập kế hoạch kiểm toán cũng như xác định nội dung, lịch trình và phạm vi các thủ tục kiểm toán sẽ được thực hiện. Tuy nhiên, cuộc kiểm toán không nhằm cung cấp sự đảm bảo cũng như báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ.

Mục tiêu của cuộc kiểm toán là đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính được trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp, trên các khía cạnh trọng yếu. Việc đưa ra ý kiến kiểm toán, cũng như việc trình bày ý kiến bằng văn bản của Bên B sẽ phụ thuộc vào tình hình thực tế tại ngày Bên B lập Báo cáo kiểm toán. Nếu vì bất kỳ lý do nào mà Bên B không thể hoàn thành cuộc kiểm toán hoặc không thể đưa ra ý kiến kiểm toán thì Bên B sẽ trao đổi với đại diện của Bên A.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Trách nhiệm của Bên A:

Ban Giám đốc Bên A có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo đó, Ban Giám đốc Bên A có trách nhiệm:

(1) Thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu đối với việc lập Báo cáo tài chính; (2) phát hiện và đảm bảo rằng Bên A tuân thủ theo các quy định hiện hành đối với mọi hoạt động của mình bao gồm việc lưu giữ và quản lý các chứng từ, sổ kế toán, Báo cáo tài chính và các tài liệu có liên quan một cách an toàn, bí mật theo đúng quy định của Nhà nước; (3) phản ánh các nghiệp vụ phát sinh một cách đúng đắn vào sổ sách kế toán; (4) điều chỉnh Báo cáo tài chính trong trường hợp có sai sót trọng yếu; (5) thực hiện các ước tính kế toán phù hợp;

(6) bảo vệ an toàn cho các tài sản; (7) đánh giá tổng quát tính đúng đắn của Báo cáo tài chính phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung; (8) đảm bảo cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết có liên quan đến báo cáo tài chính của Công ty cho Bên B; (9) bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.

Bên A có trách nhiệm cung cấp và xác nhận các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc”, một trong những yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc Bên A trong việc lập Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót và tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh trên Báo cáo tài chính do Bên B tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến kỳ hoạt động trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính. Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại

Văn phòng của Bên A. Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho bên B theo Điều 5 của hợp đồng này.

Trách nhiệm của Bên B:

Bên B sẽ có trách nhiệm trong việc: (1) lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam; (2) lập và thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, thực hiện cuộc kiểm toán theo kế hoạch; (3) cử các kiểm toán viên có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán; (4) cung cấp báo cáo kiểm toán cho Bên A khi kết thúc công việc kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một Bên thứ Ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật, hoặc trong trường hợp thông tin đã được phổ biến hoặc được Bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của Bên A.

ĐIỀU 4: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Sau khi kết thúc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A ba (03) bộ báo cáo kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Việt, ba

(03) bộ báo cáo kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Anh, lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan; 01 bộ Thư quản lý bằng tiếng Việt (nếu có) và 01 bộ Thư quản lý bằng tiếng Anh (nếu có), đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A.

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành hành báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

ĐIỀU 5: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phí dịch vụ

Tổng phí dịch vụ cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là: 50.000.000VND (Năm mươi triệu đồng chẵn).

Phí dịch vụ đã bao gồm toàn bộ các chi phí ăn, ở, đi lại và phụ phí khác, nhưng chưa bao gồm 10% thuế GTGT.

Điều khoản thanh toán (2)

Lần 1: Thanh toán 50% sau khi ký hợp đồng;

Lần 2: Thanh toán 50% còn lại sau khi Bên B giao Báo cáo kiểm toán cho Bên A.

Phí kiểm toán sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B bằng nguyên tệ hoặc Đồng Việt Nam theo tỷ giá của Ngân hàng bên A tại thời điểm thanh toán.

Bên B sẽ phát hành hoá đơn GTGT cho bên A khi bên A thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng cho Bên B.

ĐIỀU 6: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai Bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.

Thời gian hoàn thành cuộc kiểm toán dự kiến là 15 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện cuộc kiểm toán.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương thảo hoặc theo Bộ luật Dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai Bên lựa chọn.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành 02 bản tiếng Việt và mỗi bên giữ 01 bản. Hợp đồng này có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai Bên cho đến khi thanh lý hợp đồng theo quy định.

Đại diện bên A

Đại diện bên B

PHỤ LỤC B

THƯ GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty TNHH Kế toán-Kiểm toán Phương Nam

Tổng Giám đốc: Nguyễn Phùng Mai Lan

Kiểm toán viên: Lê Thị Minh Thi

Địa chỉ: 27 Nguyễn Kim, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Thưa Quý vị,

THƯ GIẢI TRÌNH

Thư giải trình này được phát hành liên quan đến công việc kiểm toán của các kiểm toán viên về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần ABC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 nhằm mục đích giúp cho kiểm toán viên đưa ra ý kiến là các Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan. Chúng tôi hiểu rằng tất cả những thông tin Quý vị yêu cầu để hình thành ý kiến về Báo cáo tài chính có thể không tìm được trong các ghi chép của kế toán và các chứng từ khác, và do vậy Quý vị đã yêu cầu các giải trình từ Ban Tổng Giám đốc Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan. Chúng tôi cũng hoàn toàn chịu trách nhiệm trong việc lập và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận.

Trong phạm vi trách nhiệm và sự hiểu biết của mình, chúng tôi xác nhận các giải trình sau:

NỢ PHẢI TRẢ, CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG VÀ CÁC CAM KẾT

- 1) Chúng tôi đã ghi chép và công bố một cách phù hợp tất cả các khoản nợ phải trả đã phát sinh, các khoản nợ tiềm tàng và tất cả các đảm bảo mà chúng tôi thực hiện với các bên thứ 3.
- 2) Các khoản dự phòng đối với những thiệt hại có thể xảy ra do các vụ kiện, khiếu nại từ bên thứ ba hoặc các hợp đồng khác đã được ghi nhận đầy đủ trên Báo cáo tài chính.

3) Trừ các khoản đã nêu trong Báo cáo tài chính, không có nghĩa vụ nợ nào được đảm bảo, cầm cố bằng tài sản của Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính.

4) Tất cả những cam kết về mua hoặc bán cổ phiếu, giao dịch kinh doanh thương mại, các thỏa thuận phân chia lợi nhuận, lỗ phát sinh từ các giao dịch mua hoặc bán và các quyền chọn mua lại các tài sản đã bán trước đây được ghi chép và công bố phù hợp trên Báo cáo tài chính.

TÀI SẢN

5) Công ty là chủ sở hữu hợp pháp của tất cả các tài sản trình bày trên Báo cáo tài chính, các tài sản đã bán hoặc thuộc về bên thứ 3 đã được phản ánh và trình bày một cách phù hợp. Không có các thỏa thuận nào với bên thứ 3 để mua lại các tài sản đã được bán.

6) Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm thu hẹp quy mô hoạt động, không có kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu; và không có bất kỳ một khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7) Tất cả các khoản thu nhập phát sinh đến ngày kết thúc kỳ kế toán đều được phản ánh trên Báo cáo tài chính phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

8) Không có các thỏa thuận về việc bồi thường nào có liên quan đến các tài khoản tiền và các khoản đầu tư của chúng tôi. Ngoại trừ những nội dung đã được công bố trong Báo cáo tài chính, chúng tôi hiện không có các thỏa thuận về tín dụng nào khác.

9) Các khoản chi phí phải trả và chi phí trả trước trên Bảng cân đối kế toán được ghi nhận trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu và khả năng chắc chắn phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

1. Chúng tôi cam kết rằng mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ đã được phản ánh đầy đủ vào sổ sách kế toán của Công ty.
2. Chúng tôi đã chuẩn bị và cung cấp đầy đủ sổ sách kế toán, chứng từ và tất cả các biên bản họp của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.
3. Chúng tôi đã cung cấp đầy đủ các thông tin về các bên liên quan, bao gồm giá trị giao dịch phát sinh và số dư công nợ. Các khoản nợ với Ban Tổng Giám đốc đều đã được xác nhận. Tất cả giao dịch với các bên liên quan, trong đó bao gồm thu nhập và các thỏa thuận, giao dịch hoặc bảo lãnh tín dụng thuận lợi đối với Ban Tổng Giám ty, các khoản bảo hiểm, quyền mua cổ phiếu đều đã được công bố đầy đủ trên Báo cáo tài chính.

4. Hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng và duy trì nhằm đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Chúng tôi đã thông báo cho Quý vị biết về những đánh giá của chúng tôi về rủi ro mà Báo cáo tài chính có thể có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.
5. Chúng tôi khẳng định là báo cáo tài chính đã được lập và trình bày trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.
6. Công ty đã tuân thủ tất cả các điều khoản quan trọng của các hợp đồng có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính. Không có bất kỳ hành vi không tuân thủ nào liên quan đến các yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, các khoản thuế, lệ phí và các nghĩa vụ khác theo luật định có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.
7. Không còn các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải phải được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính. Nếu bất kỳ sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải được điều chỉnh số liệu hoặc công bố bổ sung, chúng tôi sẽ thông báo cho Quý vị một cách phù hợp.
8. Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch hay dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán bằng cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong báo cáo tài chính.
9. Chúng tôi cũng xem xét tổng ảnh hưởng của các sai sót không điều chỉnh phát hiện trong suốt quá trình kiểm toán và tin chắc rằng các sai sót này là không trọng yếu, xét riêng từng sai sót hay tổng hợp, đến Báo cáo tài chính đã lập.
10. Chúng tôi đã cân nhắc đến tất cả sự điều chỉnh và các bút toán điều chỉnh đề nghị phát sinh trong cuộc kiểm toán và xác nhận chúng tôi chấp thuận các bút toán điều chỉnh này.

Trân trọng kính chào,

PHỤ LỤC C

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng thành viên Công ty Cổ phần ABC (“Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần ABC hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305987285 ngày 16 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 06 về việc thay đổi vốn điều lệ và thành viên góp vốn.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Thành viên	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần đầu tư TCO Việt Nam	525.000.000.000	50,00
Công ty Hải Thành	248.089.500.000	23,63
Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Mai Anh	276.910.500.000	26,37
Cộng	1.050.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 114 Trường Chinh, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

Điện thoại : 057.336.415

Mã số thuế : 0305987285

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: dịch vụ quản lý bất động sản; kinh doanh bất động sản.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 25).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng thành viên Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Trần Thị Lâm	Chủ tịch	16 tháng 12 năm 2009	-
Nguyễn Thị Thu Trà	Thành viên	14 tháng 12 năm 2009	-
Thái Thị Thanh Hà	Thành viên	20 tháng 6 năm 2011	-
Nguyễn Đức Anh	Thành viên	01 tháng 7 năm 2012	-
Ban Tổng Giám đốc			
<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Phạm Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2012	30 tháng 6 năm 2014
Đỗ Tú Anh	Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2014	-
Hồ Anh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2013	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam (Phương Nam) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Phương Nam bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng thành viên phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh

trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH Dịch vụ Mai Thành tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng thành viên,

Trần Thị Lâm

Chủ tịch

Ngày 02 tháng 3 năm 2015

PHỤ LỤC D

Số: 003/2015/BCKT-PN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ABC

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ABC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty cổ phần ABC gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính được lập ngày 02 tháng 3 năm 2015, từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Dịch vụ Mai Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHƯƠNG NAM

Nguyễn Phùng Mai Lan - Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1522-2013-228-

Lê Thị Minh Thi - Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1860-2013-228-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2015.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh (2008), Giáo trình Kiểm Toán, NXB Lao động xã hội.
- Bộ tài chính, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Bộ tài chính, Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
- Chương trình kiểm toán mẫu của VACPA Website:
www.tailieu.vn
- Các tài liệu lưu hành nội bộ tại Công ty Phương Nam
- Các tài liệu khác